

CỔ VĂN VIỆT NAM

ÔN - NHƯ HÂN

**CUNG - OÁN
NGÂM KHÚC**

VÂN BÌNH TÔN - THẮT - LƯƠNG

Giáo-sư trường Trung-học Đồng-Khánh và Khải-Định-Huế

DẪN GIẢI và CHỮ THÍCH

IN LẦN THỨ NĂM

sửa chữa cẩn thận



SÁCH GIÁO - KHOA

TÂN VIỆT

CUNG - OÁN NGÀN KHÚC

CÒ VĂN VIỆT NAM

ÔN-NHƯ HẦU

CUNG-OÁN NGÂM KHÚC

VÂN BÌNH FÓN THẮT LƯƠNG

(Giáo-sư trường Trung-học Đồng-Khánh và Khai-Định - Huế)

ĐẪN-GIẢI và CHỮ-THÍCH

IN LẦN THỨ TƯ
sửa-chữa cũn-thộn



SÁCH GIÁO-KHOA

TÂN VIỆT

« **Cung-oán ngâm khúc** » là một áng văn-chương tổng Việt rất cao và rất khó của Ôn-như Hầu tiên-sinh soạn từ đời Hậu Lê, đem hành thể đã hơn trăm năm và cũng đã liệt vào hạng giáo-khoa-thư để dạy quốc-văn cho các cấp Trung-học và Đại-học ở các trường công, tư trong nước.

Một áng văn-chương quan-trọng như thế, tất phải có thêm lời dẫn-giải chú-thích rất tinh-tường và phân-tích từng đoạn-lạc phân-minh, hầu được đủ nghĩa-lý và tài-liệu để giảng-câu luyện-lập quốc-văn và cổ-điền. Vì những câu văn của Ôn-như Hầu tiên-sinh viết có nghĩa-lý rất cao, hơn cả các tập truyện và ca-ngâm khác, ý-nghĩa thâm-thúy khác thường, giống như kinh, truyện đời Chu, Tần, Sở, Hán và Đường, Tống, tất phải có thêm lời thê-chú đại-toán thì mới hiểu được, chứ chẳng phải chú-thích dẫn-giải như những tập « **Cung-oán ngâm khúc** » từ trước nay đã dùng.

Thường ngày trong các trường dạy quốc-văn theo lối cũ từng quan, mỗi khi muốn dạy một đoạn

nao ở tập thơ-văn nào, các giáo-sư khiến học-sinh phải tự soạn lấy bài rồi đem đọc và giảng. Lối dạy ấy vẫn đúng, nhưng nếu có tài-liệu đầy-đủ như văn-chương Âu-Á thì mới mong học-sinh tự soạn bài là có bổ-ích ở nơi sự khảo-cứu giảng-câu.

Trái lại những tập thơ-văn xưa của ta có phần nào hoàn-bị ở nơi chú-thích dẫn-giải, dù có ít nhiều lời chú-thích thì cũng sơ-sài thiếu-khuyết chẳng thông-sướng rạch-rời đã đành, còn phần sai-làm dường khác, thì kẻ học-sinh bứng vào đâu mà soạn bài ? Nếu có tìm người biết hơn mà hỏi, thì tưởng chẳng ngoại như lời chú-thích đã nói trên kia mà thôi, cứ vẫn làm, vẫn thiếu, vẫn không có từ-chương quán-xuyến, mạch-lạc phân-minh, không khỏi nhận làm chữ Lỗ (魯) ra chữ Ngụ (魯), đọc chữ Đê (帝) thành chữ Hợi (亥), bắt râu cha họ, đặt cảm mẹ kia.

Tôi được làm đự vào phần giáo-sư đã lâu, lại có lòng chăm-lo dạy-dỗ theo phương-pháp có căn-bản thực-tế, và do thiên nhạp thâm, lo bảo-tồn nền học-vấn cho có nghĩa-lý chính-đáng, muốn đem hết văn-chương cổ Việt mà lâu nay đã hành thể, còn thiếu-khuyết phần chú-thích dẫn-giải mà chú-thích dẫn-giải lại cho hợp lối phổ-thông, ở sự giáo-hóa trong các trường-học.

Đã xuất-bản được vài tập và cứ tiếp-tục làm theo, nguyện đem sự đã học hơn năm-mươi năm về trước mà bổ-khuyết cho kẻ hậu học ; điều gì biết đem tỏ-bày, điều gì chưa biết đem ra nghiên-cứu, mong đắp nền văn-hiến của nước nhà ngày một thêm vững thêm cao ở nơi sức môn mây-may.

Nhân-liện đây tôi nói thêm mấy lời người xưa đã nói ở trong sự học-vấn, và cái thiên phần, thiên-tài của kẻ học-giá : « Mười năm học có thể thi đỗ ông tú, ông cử, ba mươi năm chưa chắc học đã nên nhà thơ » (thập niên lộ đất nhất cử-tử, tam thập niên lộ bất tất nhất thi-ông).

Vậy muốn chú-thích dân - giải văn-chương của những nhà thơ, tất phải có thiên-tài thiên-phận, lại phải trầm-tâm nơi nòng - úc tinh - ba lâu rồi mới được vậy.

Tôi tuổi già học dốt, chẳng có tài-năng, chỉ có một điều chăm học, từ trắng răng đến bạc đầu, và có tình ưa trước-thuật, kết bạn cùng các nhà văn-học trứ danh cho khỏi bề cô-lậu quả vẫn.

Nếu sự trước - thuật được toại lòng, ấy là sự hiểu học khỏi phụ tôi ; hơn nữa là các bậc cao-minh quân-tử lượng tình cho tôi, nếu có nghĩa-lý gì tôi nói còn sai, xin chỉ-giáo cho, ấy là tôi cảm-tạ vô hạn vậy.

Huế ngày 20 tháng 6 năm 1950

(6 tháng 5 năm Canh-dần)

Van-Bình TÔN THẤT LƯƠNG

VISU-SÔ ÔN-NHƯ HẦU

Ôn-như Hầu tức Nguyễn gia Thiệu 阮嘉德 tiên-sinh, người làng Liễu-ngạn 柳岸, huyện Siêu-loại 超類, tỉnh Bắc-ninh (nay là phủ Thuận-thành), thân-phụ là Nguyễn gia Cư 阮嘉瑞, thân-mẫu là bà Ngọc Tuấn 玉節 Quỳnh Liên công-chúa 瓊蓮公主. con-gái chúa Trịnh hy Tô 鄭希蘇.

Nguyễn tiên-sinh vốn con dòng-dõi trăm-amb, sinh năm 1741, có tính-chất thông-minh dĩnh-ngộ khác thường, khi trẻ ngoài sự học văn còn theo học võ, tinh-thông nghề cung-kiếm, 19 tuổi được tuyển-dụng vào Cung-trung làm chức Hiệu-uy quản binh-mã 校尉管兵馬, có chiến-công, được phong tước Ôn-như Hầu 溫如侯. Từ phong hầu về sau tiên-sinh lại chuyên nghiên-cứu luyện-tập văn-chương và thiên-văn địa-lý, khảo-cứu đạo Phật, đạo Tiên, thường tự xưng là Hy Tôn Tử 希孫子 và Như Ý Thuyền 如意禪, giao-du cùng các nhà triết-học, thi-học, lập sự nhân-hạ khoáng-dật phong-lưu tiêu-sái làm chí thú, ngắm phong vịnh nguyệt làm thiach, không quản việc triều-định, nên

mất sự tin-nhiệm của nhà-nước. Và cũng có nhiều người đương thời không ưa vì ganh tài-năng nên gièm-pha, tiên-sinh cũng chẳng quan tâm. Đến khi Tây-sơn lấy Bắc-hà, thì tiên-sinh đi ở ẩn không chịu ra làm quan, và thọ bệnh mất năm 1798, hưởng thọ 58 tuổi (ngày mồng 9 tháng 5 năm Mậu-ngo).

Những tác-phẩm còn để lại, về phần chữ nhỏ có bộ *Tiền-hậu thi-lập* 前後詩集, nhưng chưa tìm thấy, chỉ còn khẩu truyền một đôi bài. Về quốc-âm thì còn *Tây-hồ thi-lập* 西湖詩集, bộ *Tứ-trai* 四齋 và *Cung-oán ngâm khúc* 宮怨吟曲.

Tiên-sinh rất tinh nghề Thanh nghệ luật 琴藝律 (nghề làm thơ), đã diu-dắt phái thi-học đời Hậu Lê được lắm nhà thơ hay.

Ở tập *Chuyết-thập tạp-chí* 掇拾雜誌 của ông Lý văn Phục 李文復 chép truyện Ôn-như Hầu có nói rằng : « Nhất thị ứng khẩu thành tụng, ngữ ngữ khả nhân, nhất thị thiên ngôn bách luyện, ngữ ngữ kinh nhân » 一是鹿口成誦, 語語可人, 一是千銀百鍊, 語語驚人. Nghĩa là : một là ra lời nói thành câu thơ, lời lời thầy nghe được, hai là nghìn lần nhồi-nặn, trăm lần nung-luyện ra câu thơ, lời lời khiến người nghe phải sợ... tức là thơ tiên-sinh có tài nhanh-chóng cũng hay và có công trau-nắn càng hay.

Tài lãnh đề đầu chôn lấp được, một thiên « *Cung-oán ngâm-khúc* » nay còn truyền xa.

Huế ngày 6 tháng 5 1950

Vân-bình TÔN THẤT LƯƠNG

kinh thuật

PHẦN LỘ

Tập « Cung-oán ngâm khúc » này nguyên văn có 356 câu, chia ra thành tám đoạn, mỗi đoạn có nhiều ít câu không hạn, đều có bốn lần trình-bày :

1. — Đoạn nguyên-văn ghi chữ số La-mã.
2. — Đoạn lược-tự của nguyên văn.
3. — Giải-nghĩa từng câu một của nguyên văn.

4. — Chú-thích và dẫn-giải các điển-tích đã dùng ở trong nguyên văn. Trong mục chú-thích này, nếu gặp điển-tích nào đã có dùng ở các đoạn trước, thì đây chỉ đề: xem chú-thích số... trang... cho khỏi viết lại lần nữa.

Ở nguyên văn gặp chữ gì bằng chữ Hán mà cần phải chỉ rõ thì ghi ngay chữ Hán vào một bên cho khỏi lầm, chữ gì có điển-tích thì đề số mục một bên, hoặc ở sau câu để tìm xem ở mục chú-thích cho thêm rõ nghĩa.

Những chữ nào thuộc về thổ-âm của xứ này mà xứ khác không có, hoặc ngày xưa nói mà ngày nay không nói thì ghi dấu ngôi sao * một bên chữ ấy.

Những chữ nào trước sai ở các bản cũ khác mà nay cần phải đính-chính hay là biện-ngoa lại, thì có kẻ rõ cái nguyên-do rõ-ràng và trình-bày hình-dạng của chữ sai ấy.

TIÊU-DẪN

Hai chữ Cung-oán là sự oán-hờn nơi cung cấm của các cung-phí, cung-tần đã từng được vua yêu rồi lại bị ghét-bỏ, vì lời gièm-pha ghen-tuông lẫn nhau; hoặc có người đã chọn vào Cung mà suốt đời không được sự hạnh-sủng, nên đã thốt ra nỗi oán-hờn.

Trải xem các đời từ xưa nơi Cung cấm, cung-nhân nhiều đến số ba bốn nghìn, mà trong số ấy thường chỉ có vài người được sủng-ái, nên phần nhiều cung-nhân có tài-học tự làm ra lời cung-oán, hoặc các nhà thơ đặt ra lời cung-oán, mượn thân-phận của cung-nữ mà tỷ-nghĩ thân-phận mình, cũng dễ là cung-oán. Về sau hai chữ « cung-oán » thành một cái nhan-đề, chuyên nói sự oán-hờn của cung-nữ.

Lại có đề « khuê-oán » chuyên nói sự oán-hờn của người đàn-bà có chồng, bị chồng đi xa không về; đề « khuê-oán » phần nhiều cũng là lời của các nhà thơ mượn sự-tình của người để bày thân-phận của mình 705

« *Cung-oán ngám khúc* » sau đây là một khúc ngám về nỗi oán-hờn của cung-nhân mà Ôn-như Hầu tiên-sinh đã mượn tình-trạng cung-phi để tự ví thân-phận mình; khúc ngám này dùng điệu « song-thất lục bát ». Lời văn đã thâm-thúy, nghĩa-lý lại mắc-mở và đoạn-lạc lại khó phân. Nếu cứ để suông tự đầu đến cuối, đem đọc mấy lần cũng không hiểu thấu, nên đây phải dùng lối phân-tích, chia ra làm tám đoạn, mỗi đoạn kể lược-tự sự-trạng của tác-giả đã nói, có những tình-y gì ở trong nguyên văn; theo nguyên văn lại tiếp mục giải-nghĩa và mục chú-thích để người đọc đến hiểu ngay, không phải mờ-mịt mà hóa ra chán-nản.

Mong rằng các đọc-giả chú-y: phạm viết một bài chuyên nói một mục-dịch gì, thì cũng như theo ý của nhan-đề mà làm thành lối dàn-bài như một bài thơ « Đường-luật » tám câu: câu 1 là câu « Phá », câu 2 là câu « Thừa »; « Phá » là mở lời đầu-tiên nói tổng-quát toàn cả một sự-trạng của đề-mục hay của nhan-đề; « Thừa » là thừa-tiếp nghĩa của câu « Phá » để đem ban-bổ sự-trạng ấy ra sau hai câu 3, 4 là hai câu « Trạng », tả rõ từng thái-trạng của nhan-đề ấy; rồi tiếp đến hai câu 5, 6 là hai câu « Luận », luận-bàn và dẫn-chứng mà bài-liệt thêm ra cho nhiều rộng ý-nghĩa; sau câu « Luận » tiếp câu thứ 7 là câu « Thúc » hay là « Chuyên », nghĩa là gói và thu-tóm, hoặc di-chuyên cả ý-tứ những câu 1, 2, 3, 4, 5, và 6 mà thu-tóm ý-nghĩa ở câu 7, để kết-liệu toàn ý-tứ của nhan-đề ở câu 8 là câu « Kết » trọn- vẹn; thành một bài thơ có thứ-tự theo lối dàn-bài, có kiểu-mẫu nhất-định. Có thứ-tự như thế thì không lộn-xộn, và theo phép ấy, nếu làm một bài dài trường-thiên hay là một khúc ca-ngám có mấy trăm câu mặc dù, ta cũng phải biết chia ra làm tám phần, ít nhiều câu tuy không định, nhưng

phải phân-tích thành đoạn-lạc rạch-rời, cũng như một bài thơ Đường-lục vậy.

Bài « *Cung-oán ngâm khúc* » này có 306 câu, đã phân ra tám phần như đã nói trên. Các độc-giả khi đọc nên cần-thận rõ từng chi-tiết một, và sưu-câu những lời chú-thích dẫn-giải đã chỉ rõ lối dùng chữ, lối mượn điển, dùng điển phân-minh. Đó là dẫn-giải trình-bay theo lối phổ-thông, hầu được giúp-ích cho kẻ hậu học tân-tiến, trong khi luyện-tập quốc-văn, giảng-câu cổ-diễn.

Nếu không dùng lối thích-nghĩa này thì dù đọc mấy lần cũng chỉ hiểu từng câu một với một nghĩa-lý mơ-hồ, hư-huyền, không dính-dáng vào đâu, chẳng còn biết tác-giả muốn nói việc gì, càng thêm rối trí vô-ích.

Vậy các độc-giả đọc sau đây dần dần hiểu thấu suốt toàn thiên và không còn thiếu-sót một nghĩa gì đáng nghi-hoặc vậy. . .

怨宮吟曲

CUNG - OÁN NGÂM KHÚC

4 — Trái vách quế 桂 (1) gió vàng (2) hiu-hắt,
 Mảnh vũ-y 羽衣 (3) lạnh-ngắt như đồng 銅;
 Oán chi những khách tiêu-phòng 椒房 (4).

Mà xui phận bạc (分薄) nằm trong má.

5 — Duyên đã may có sao lại rủi ?

Nghĩ nguồn-cơn dờ-dối & sao đang ?

Vì đâu nên nổi dờ-dang,

Nghĩ mình, mình lại thêm thương nỗi mình!

Trộm nhớ thua gây hình tạo-hóa 造化 (5),

10 — Vẻ phù-dung 芙蓉 (6) một đóa khoe tươi;

Nhụy hoa 蕊花 chưa mím miệng cười,

Gấm nàng Ban 班 (7) đã nhạt mùi thu-dung

(容秋) (8).

LƯỢC-TỰ (Đoạn I). — Đoạn này thuật lời thần-oán của cung-phi ở trong cung cấm đã được số-phận may mà hóa rủi; gấm mình vốn có sắc đẹp chẳng thua ai, song chưa hưởng được chút chi đáng gọi vui lòng, đã vội phải quán-vương ghét-bỏ.

Bấy nhiêu câu đã tả trọn nghĩa hai chữ Cung-oán tức là câu « Phá » ở đầu bài vậy.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

GIẢI-NGHĨA. — (Đoạn I, từ câu 1 đến 12).

Lời cung-phi thân-oán rằng : Trải qua một thời-kỳ trong một độ mùa thu (gió vàng) ở nơi cung quế (vách quế) (1-2).

Đã không được êm-ấm như ai, dù có mảnh áo vũ-y cũng dễ lạnh-ngắt như đồng (3).

Phải chịu lạnh-lẽo như thế, là oán chi ở người cung-phi (khách tiêu-phòng) (4).

Mà xui nên thân-thế của gái đẹp lại mắc phải cái phận bạc nó nằm trơ trơ thế mà (Phận bạc nằm trong má đào).

Được làm cung-phi là hẳn có duyên may, sao đã may có sao lại rủi ?

Nghĩ đến nguồn-cơn ấy thật nên dở-dối sao dang.

Thử hỏi vì đâu mà nên nỗi dở-dang như thế ?

Càng nghĩ mình bao nhiêu là càng thương thân-phận nỗi mình bấy nhiêu.

Ta trộm nhớ thửa trời sinh ta (gây hình tạo-hóa) (5).

Thì ta có dung-mạo như hoa phù-dung một đóa tươi-tốt xiết bao (6) !

Thế mà đóa hoa kia chưa có điều gì đáng gọi là hiển-vinh, đáng vui cười (chưa hé nụ cười)

Thì ta đã bị rủi-ro phụ-rẫy như nàng Ban tiếp Dư, cung-phi của vua Hán Thành-đế vậy (7-8).

Trong đoạn này câu 12 dùng điển Ban tiếp Dư để tả trọn nghĩa hai chữ Cung-oán hoàn toàn đích-xác.

CHÚ-THÍCH. — (1) « *Cung quế* » « *vách quế* » là nơi cung-diện gọi là Quế-cung 桂宮. Sách Nam-Bộ yêu

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

hoa ký 南部烟花記 chép: Vua Trần Hậu-chúa làm một nơi cung-diện cho cung-phi Trương lệ Hoa 張麗華 ở tại sau điện Quang-chiêu 光昭, xây một cửa tròn lớn, khám tấm thủy-tinh pha-lê như hình mặt trăng, sau bôi phấn trắng, giữa sân rộng, trước cửa ấy chỉ trồng một cây quế, tượng hình cây quế trong mặt trăng, như lời thể-tục nói: Nguyệt-trung đơn quế 月中丹桂. Cung ấy gọi là Quế-cung.

Quế tức là cây Mộc-tê 木樨 tục gọi cây hoa-mộc, hoa từng chùm như cái vỏ lúa, có hương thơm xa, người dùng ướp trà, hoa có sắc vàng đỏ.

Đây dùng vách quế mượn điển xưa, chỉ nơi của cung-nhân có sắc đẹp được vua yêu ở đây.

(2) « Gió vàng » bởi chữ Kim-phong 金風 là gió mùa thu, mùa thu thuộc số ngũ-hành là chữ kim 金, về vị-trí thu ở hướng Tây, về số địa-chi 地支 thuộc quẻ Canh-tân 庚辛 loài kim, nên gọi thu là Kim-thiên 金天. Gió thu là Kim-phong: gió vàng.

(3) Vũ-y 羽衣 áo dệt bằng lông chim ngũ-sắc để dùng múa, có vẻ lộng-lẫy như các tiên bay trên trời. Những cung-phi thường mặc áo ấy để khi có cuộc vui, chầu ngự múa.

(4) Tiêu-phòng 椒房. Đời xưa ở nơi phòng bà Hoàng-hậu ở, dùng tiêu tán nhỏ, bôi vào vách cho thơm và ấm, gọi là tiêu-đổ 椒塗 (bôi tiêu). Đây dùng Tiêu-phòng tức nơi phòng bôi tiêu, nơi cung-cắm các bà hậu-phi ở.

(5) Tạo-hóa 造化 nghĩa là trời đất sáng-tạo và hóa-dục muôn vật.

(6) « Vẻ phù-dung » là vẻ đẹp của hoa Phù-dung 芙蓉. Hoa ấy màu cung phấn đỏ nhạt, hoa lớn gồm 4, 5 hoa trường-vi, buổi mai nở, buổi chiều tàn, thường ví nhan-sắc người đẹp.

Thơ Bạch cư Di 白居易, bài Trường-hận ca, tả tình vua Đường Minh-hoàng nhớ bà Dương quý-phi có câu:

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Phù-dung như diện liễu như my 芙蓉如面柳如眉:
hoa phù-dung như mặt, lá dương-liễu như mày.

(7.8) «*Gấm nàng Ban đã nhạt mùi thu-dung*». Câu này dùng điển nàng Ban tiếp Dư là một cung-nhân của vua Thành-đế nhà Hán, bà làm nữ-quan đến chức Tiếp Dư họ là Ban, được vua yêu lắm, sau bị nàng Triệu phi Yến 趙飛燕 gièm, bà sợ nguy thân, bèn xin vua cho ở châu hầu bà Thái-hậu, mẹ vua ở cung Trường-tín 長信. Từ khi bà về ở cung ấy thì sự sủng-hạnh ngày một phai dần, nên bà đã đề một bài thơ ở trên cái quạt tròn, bằng một thứ bát-tơ trắng gọi là Tề-hoàn 齊纨 (lụa bát-tơ của nước Tề) mà bà tự dệt ra và tự chế thành cái quạt tròn, để tự ví thân-phận mình. Thơ rằng :

新製齊纨素
Tân chế Tề hoàn tố
皎潔如潔雪
Hạo khiết như sương tuyết、
裁成合歡扇
Cải thành Hợp-hoan phiến
團圓似明月
Đoàn-doàn tự minh nguyệt
出入君懷袖
Xuất nhập quân hoài tụ
動搖微風發
Động dảo vi-phong phát
常恐秋節至
Thường khùng thu tiết chí
涼颺李支熱
Lương viêm đoạt viêm nhiệt
素指 荀中
Khí nguyên giáp tư trung
恩情中道絕
Ân-tình trung đạo tuyệt.

Nghĩa là : Mối chế lựa Tề trắng — Trong-sạch như sương tuyết — Đem làm quạt Hợp-hoan — Tròn hin giống mặt nguyệt — Ra vào trong tay vua — Lay động sinh gió mát — Thường sợ tiết thu đến — Gió mát cướp nồng-nhiệt — Ném cất vào xó rương — Nửa đường ân-ái tuyết.

Cái quạt và bài thơ Ban tiếp Dư tự ví mình như cái quạt Hợp-hoan tròn đã từng được vua yêu-chuộng nhưng phải ném cất vào xó rương, vì hơi thu mát đã cướp mất gió mát của quạt, nên ân-tình nửa đường phải đoạn-tuyệt. Ví mình bị người gièm-pha, bị vua ghét-bỏ.

Đây tác-giả dùng chữ « gấm » cho khỏi dùng chữ Tề-hoàn là một thứ lụa mỏng hay bát-tơ có vẻ sáng đẹp dùng làm quạt rất đẹp. Đáng lẽ nói lụa nàng Ban, hay quạt nàng Ban. Bởi chữ gấm ấy mà làm người không rõ lại giải-nghĩa — Gấm của nàng Ban tiếp Dư và nàng Triệu phi Yến dật, thì rất vô nghĩa. Và những chữ Đoàn-phiến : quạt tròn, chữ « Thu-dung » là dung-mạo lạnh-lẻo mùa thu, thấy là những chữ thành-ngữ của Ban tiếp Dư, đọc đến biết ngay không phải nghi-hoặc gì nữa.

Vương xương Linh 王昌齡 đời Đường có bài thơ vịnh Ban tiếp Dư đề là « Trường Tín Oán 長信怨 ». Thơ rằng :

奉帚平明金殿開

Phụng trữu bình minh kim điện khai

暫將團扇共徘徊

Tạm tương « Đoàn phiến » cộng bồi hồi

玉顏不反寒鴉色

Ngọc nhan bất cập hàn nha sắc

猶帶昭陽日影來

Do đài Chiêu Dương nhật ảnh lai.

Nghĩa là : vâng lệnh châu hầu, ban mai nâng cái chổi điện vàng mà rước quét. Quét xong lại tạm đem cái quạt

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

mòn cùng nhìn quạt mà tự bùi-ngùi. Tự gắm mình có cái vẻ nhan-sắc, mặt như ngọc, mà không bằng con quạt rét nó ở nơi điện Chiêu-dương là nơi các cung-phi được vua yêu ở, nó còn được mang cái bóng nắng đó mà về đây.

Dịch rằng : Ban mai rưới quét mở đèn vàng — Đoàn-phiến nhìn thôi lưỡng thở-than — Mặt ngọc không bằng con quạt rét — Còn mang bóng nắng điện Chiêu-dương.

II

13 — Áng Đào Kiển 桃蹊 đâm bóng nào chúng

懼來 (1)

Khoé thu-ba 秋波 dợn sóng khuynh thành

傾城 (2-3);

Bóng gương lấp-loáng dưới màn,

Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây-mưa (4)!

17 — Chìm đáy nước, cá lờ-đờ lặn (5),

Lừng da trời, nhọn ngấn-ngờ sa! (6)

Hương trời đắm nguyệt say hoa,

Tây Thi 西施 mất vía, Hằng Nga 嫦娥 giệt
mình. (7-8)

21 — Câu cầm-tú 錦繡 đàn anh họ Lý 李 (9-10)

Nét đan-thanh 丹青 bậc chị chàng Vương

王 (11-12)

Cờ tiên rượu thánh ai đang,

Lưu Linh 劉伶 Đế Thích 帝釋 là làng tri-
âm 知音 (13-14-15).

25 — Cầm điểm nguyệt, phỏng tâm Tư-mã 司

馬 (16)

Địch lâu thu, đọ gã Tiêu-lang 蕭郎 (17)

Dấu mà tay múa, miệng xang,

Thiên-tiên 天仙 cũng ngành Nghê-thường
霓裳 trong trăng (18).

29 — Tài-sắc 才色 đã vang-lừng trong nước,
Bướm-ong càng xao-xác ngoài hiên,
Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn,
Bệnh Tề Tuyên 齊宣 đã nổi lên đùng đùng
(19).

LƯỢC-TỰ (Đoạn II. — Đoạn này thừa-liếp đoạn I, để trình-bày phần sắc-tài của cung-phi là thế nào, và để nối theo những thực-trạng ở hai đoạn III, IV tiếp sau.

GIẢI-NGHĨA (Đoạn II, từ câu 13 đến 32).

Lời cung-phi kể tiếp nói rằng . Về phần nét mặt thì cung-phi có vẻ tốt-tươi như Đào Kiền, cung-phi vua Thuận-đế 順帝 nhà Nguyên (1).

Về phần đẹp con mắt thì sẵn có khoé thu-ba đợn sóng khuynh thành (2-3).

Về phần dung-mạo, dáng-diệu, thì bóng gương dung-quang lấp-loáng dưới màn (thấy bóng-dạng lấp-loáng ở dưới bức màn) thì dù vật vô-tri-giác như loài cỏ-cây cũng động tình yêu-đương hướng là người (4).

Về phần chung, sắc đẹp hờn-nhiên, đẹp đến nỗi con cá thấy phải sợ, tìm nơi sâu đáy nước mà lánh (5)

Và con chim nhận thấy cũng phải lừng-thững tự bên lưng trời ngân-ngờ sa xuống chẳng bay cao (6).

Một vẻ tốt-đẹp thơm-tho thiên-nhiên (huương trời) làm cho nguyệt phải dắm, hoa phải say.

Làm cho nàng Tây Thi trông thấy phải mất vía, Hằng Nga trông thấy phải giết mình (7-8).

Nay nói đến tài văn-chương từ-phú, gọi là

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

cầm-tú ; gấm thêu hoa dệt thì hơn cả **Lý Bạch** là thi-nhân đệ-nhất đời **Đường** (9-10).

Về tài hội-họa (đan-thanh) thì khéo hơn cả **Vương Duy 王維** cũng là một tay vẽ khéo, thơ hay đời **Đường** (Đan là đơn, là sắc đỏ — Thanh là sắc xanh, tức sự hội-họa, vẽ). (11-12)

Nói về tài đánh cờ tiên rượu thánh thì chẳng ai đương.

Như ông **Lưu Linh** có tài uống rượu, ông **Đế Thích** có tài đánh cờ, thầy là phường tri-âm của cung-phi cả (13-14-15).

Về tài đàn, khi chơi đàn ở nơi đình-diêm đêm trăng, thì có lắm giọng thanh-tảo như chàng **Tư mã Tương Như** (16).

Về tài thổi ống tiêu nơi chốn lầu thu, hay chẳng khác chàng **Tiêu Sư**, rẻ **Tần Mục-công** thừa trước (17).

Về phần tài-năng múa và hát, dù khi tay múa, miệng xang (xương ; ca-xang = xương-ca)

Thì những thiên-tiên đội **Nghê-thường**, **Vũ-y** ở cung trắng thấy cũng ngờ-ngần chịu thua (18).

Tài và sắc như thế, đã nổi vang-lừng trong nước, khác nào một cành hoa có hương thơm sắc đẹp đã làm . . .

Làm cho con ong con bướm càng thêm bay xao-xuyến ngoài hiên.

Tài sắc ấy nếu khiến người nghe, tai nghe mà mắt chưa nhìn

Thì lòng hiếu sắc (ưa sắc đẹp) như vua **Tuyên-vương** nước **Tề** thừa trước cũng phải nổi lên dùng dùng vậy.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

CHỮ-THÍCH. — (1) *Áng Đào Kiền* — *Áng* cái khuôn-khò, nề-nếp có vẻ đẹp, hoặc có văn-chương hay. *Đào Kiền* là *Đào Kiền* phu-nhân 桃蹇夫人 là tên riêng của nàng *Qua tiêu Nga* 戈小娥. Sử nhà *Nguyễn* chép: Một cung-phi phong chức *Thục-cơ* 淑姬 nhất-phẩm phu-nhân đời vua *Thuận-đế* nhà *Nguyễn* là *Qua tiêu Nga* có thể-chất rất lạ: trắng mà ửng màu hồng, mỗi khi rửa mặt hoặc ra mồ-hôi ướt da, thì mặt có vẻ tươi như hoa đào ngậm lộ, càng thêm vẻ *yêu-kiều*. Vua *Thuận-đế* 順帝 gọi nàng là *Yêu-đào-nữ* 天桃女: gái đào thơ; nhân lời vua mà trong cung kêu nàng là *Đào Kiền* phu-nhân: phu-nhân có vẻ đẹp uốn-vặn dẽ-duội như cây đào non (Có lắm bản chép *đào-kiềm* là *lầm*).

Nàng có vẻ đẹp ấy, riêng được vua *yêu-chuộng* hơn các cung-phi khác làm cho cung-nhân phải *phiền-não*.

Câu « *Áng Đào Kiền* đầm bông não chúng » là bởi nghĩa ấy

(2) « *Khoé thu-ba* », *khoé* là *khoé* con mắt. *Thu-ba* là sóng mùa thu, nước thu thường đầy, sóng thu càng đẹp. Con mắt người gái đẹp có vẻ ướt và sáng như sóng mùa thu.

Thơ *Tô Thức* 蘇軾 có câu: *Giai-nhân* vị *khùng* hồi *thu-ba* 佳人未肯回秋波: *Người* đẹp chưa chịu quay sóng thu, tức chưa chịu quay lại.

(3) « *Sóng khuynh thành* »: *Làn* sóng làm cho thành *nghiêng-dõ*, nghĩa bóng, đôi con mắt liếc có vẻ đẹp, người phải theo đến nỗi *nghiêng* thành. Kinh *Thi* có câu: *triết-phu* thành thành, *triết phụ* *khuynh* thành 哲夫成城, 哲婦傾城: người đàn-ông giỏi dựng nên một thành-trị, người đàn-bà đẹp làm *nghiêng-dõ* thành-trị

Nghiêng thành *nghiêng* nước đều là sắc đẹp.

(4) « *Mây mưa* », bởi chữ *vân-vô* 雲雨, bởi điển vua *Tương-vương* nước *Sở* đi chơi ở *đầm Vân-mộng* gần núi *Vu-sơn* 巫山 *chiêm-bao* thấy một người gái rất đẹp đến

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

chung-chạ chẵn-gối với Vương, và tự xưng là Vu-sơn thần-nữ 巫山神女: Thần-nữ ở núi Vu-sơn. Lại nói: mỗi buổi mai thần-nữ làm mây, buổi chiều làm mưa ở núi Vu-sơn. Về sau Vương nghiệm xem quả thật như lời Thần-nữ nói trong giấc mộng, bèn lập đền thờ Thần-nữ ở chân núi Vu-sơn. Bởi điển ấy người sau dùng chữ « vân » « mây mưa » mà ví sự trai gái chẵn-gối chung-chạ ấp-yêu. Hoặc dùng chữ non Thần, non Vu, đỉnh Giáp, đều nghĩa ấy.

(5-6) Sách Trang-tử 莊子 nói: Sắc đẹp nàng Vương Tường 王媪 và Lệ Cơ 麗姬 đẹp đến nỗi con cá thấy phải chìm lặn, con nhạn thấy phải bay cao, tức chữ « Trầm ngư lạc nhạn 沉魚落雁 »: cá lặn nhạn sa, ý nói đẹp quá con cá con nhạn đều phải tránh bay cao. Người sao đòi chữ bay cao làm chữ sa xuống mà nói: « cá lặn nhạn sa »

(7-8) « Tây Thi 西施 », tên người con gái quê làm vải sợi, giặt vải sợi, ở thôn Trử-la 苧蘿, có sắc đẹp tuyệt thế. Đời Xuân Thu vua Việt-vương là Câu Tiễn 勾踐 bị thua vua Ngô-vương ở đất Cối-kê 會稽, sau mưu thần của Việt-vương là Phạm Lãi 范蠡 mua nàng Tây Thi về dạy ca múa thành tài, rồi đem dâng vua Ngô là Phù Sai 夫差 tại nơi điện Cô-tô 姑蘇. Phù Sai yêu nàng, mê say phải mất nước. Ấy là Câu Tiễn trả thù. Về sau Phạm Lãi đem Tây Thi đi chớ cảnh Ngũ Hồ mất tích. « Hằng Nga 嫦娥 » nguyên là vợ chàng Hậu Ngại 后羿 đời vua Hoàng-đế 黃帝. Ngại học tiên, cầu được thuốc trường sinh bị Hằng Nga uống trộm thành tiên bay lên cung trăng (Liệt-tiên truyện).

« Tây Thi » và « Hằng Nga » là hai người có nhan-sắc tuyệt thế.

(9-10) « Họ Lý 李 » tức là Lý Bạch là một thi-nhân đời Đường, có tiếng giỏi văn-chương xưng là « miệng gấm lòng thêu » (Tứ khẩu cầm tâm 繡口錦心). Lý Bạch hiệu là

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Thanh Liên 青蓮. « *Chàng Vương* » là Vương Duy 王維 có tài vẽ khéo thơ hay, trong thơ có vẽ, trong vẽ có thơ. Vương Duy hiệu là Ma Cật 摩詰.

« Lý Bạch, Vương Duy » là hai nhà thơ hay vẽ khéo đời Đường.

(11-12) « *Cầm-tú* 錦繡 » là gấm thêu, ví văn-chương đẹp như gấm thêu. « *Đan-ihanh* » là sắc đỏ sắc xanh, là sắc dùng để vẽ danh-từ.

(13) « *Lưu Linh* 劉伶 » sinh ra khoảng cuối đời Tấn 晉, người đất Bái, tự là Bá Luân 伯 伶. Có tính phóng-khoáng hay uống rượu, cùng ông Nguyễn Tịch 阮籍, Khê Khương 嵇康 kết bạn thân, có làm bài Tử đức tụng 酒德頌 chúc tụng đức-tính của rượu. Ông làm quan với nước Tấn đến chức Kiến-oai tướng-quân 建威將軍.

(14) « *Đế Thích* 帝釋 » tên là Lý Chế 李制 là một sư có tài đánh cờ vây (cờ tiển) rất cao. Chưa rõ ở đời nào?

(15) « *Tri-âm* 知音 » người tinh-sành âm-luật, gọi là Tri-âm. Cổ-thi có câu : « *Bất tich ca giả khổ, đãn thương tri-âm hỹ* » 不惜歌者苦, 但傷知音稀 : Không tiếc người hát khó nhọc, chỉ đau-đớn người tri-âm ít mà thôi.

(16) « *Tư-mã Tương Như* 司馬相如 » người ở Thành-dô đời Hán, có tài học giỏi đàn hay, đã đàn khúc Phụng Cầu làm cho nàng Trác văn Quân 卓文君 bỏ nhà theo làm vợ.

(17) « *Tiểu-lang* 蕭郎 » chàng Tiểu, tức Tiểu Sĩ 蕭史 đời Xuân-thu, có tài thổi ống tiêu như tiếng chim phụng kêu ; dạy nghề ấy cho vợ, là con ông Mục-công nước Tần 秦穆公 là nàng Lộng Ngọc 弄玉 thành tài. Có chim phụng bay xuống, hai vợ chồng cỡi phụng bay lên trời thành tiên (chuyện chép ở Liệt-tiên-truyện).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(18) « *Nghê-thường* 霓裳 » là một thứ xiêm áo bằng lông chim năm sắc, như sắc cái móng trắng trên trời (Nghê) của đội tiên-nữ múa hát ở trong cung trăng (Đêm Trung-thu vua Đường Minh-hoàng cùng đạo-sĩ La công Viễn 羅公遠 vào chơi cung trăng. Hằng Nga có đem đội Nghê-thường múa hát).

(19) Vua « *Tuyên-vương* 宣王 » nước Tề 齊 trong khi nói chuyện trị nước (chính-trị) với thầy Mạnh-tử, có nói câu « quả-nhân hữu tật, quả-nhân hiếu sắc 寡人有疾,寡人好色 : kẻ quả-nhân (tự xưng) này có tật, kẻ quả-nhân này ưa sắc ». Đó chỉ là một câu nói ví-dụ ở trong việc chính-trị, mà đây dùng lối « đoạn chương thủ nghĩa » (cắt câu lấy nghĩa) cho thêm lý-thú khôi-hài. Bệnh Tề Tuyên đã nổi lên, tức bệnh ưa sắc đẹp của một đấng quân-vương.

III

- 83 — Hoa xuân nọ, còn phong nộn nhụy 嫩蕊,
 Nguyệt thu kia, chưa hé hàn-quang 寒光,
 Hồng-lâu 紅樓 còn khóa then sương,
 Thâm-khuê 深閨 còn giấm mùi hương
 khuyếch thành 飄成. (1)
- 87 — Làng cung-kiếm rấp-ranh bản sê, (2)
 Khách công-hầu 公侯 gấm-ghe mong sao
 (3)
 Vườn xuân bươm hấy còn rào,
 Thấy hoa mà chẳng lối vào tìm hương.
- 41 — Gan chẳng đã khôn đường há chuyễn (4)
 Mặt phàm kia dễ đến Thiên-thai? 天台 (5)
 Hương trời sá động trần-ai 塵埃,
 Dầu vàng nghìn lạng dễ cười một khi. (6)

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

- 45 — Ngâm nhân-sự 人事 có chi ra thế ?
Sợi xích-thắng 赤繩 chỉ để vương chân (7)
Vắt tay nắm nghi cơ trần 機屢,
Nước dương 楊 muốn rảy nguội dẫn lửa
duyên. (8)
- 49 — Kia thế cục 世局 như in giấc mộng.
Máy huyền-vi mở đóng khôn lường!
Về chi ăn-uống sự thường,
Cũng còn tiên-định 前定 khá thương, 19
là. (9)
- 53 — Đòi những kẻ thiên-ma bách-chiết
千磨百折
Hình thì còn, bụng chết đòi ★ nau !
Thảo nào khi mới chôn nao,
Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra !
- 57 — Khóc vì nỗi thiết-tha sự thế,
Ai bày trò bãi bể nương dâu ? (10)
Trắng răng đến thừa bạc đầu,
Tử, sinh, kinh, cụ 死生驚懼 làm nau +
mấy lần ?
- 61 — Cuộc thành-bại 成敗 hầu cần mái tóc,
Lớp cùng-thông 窮通 như đốt buống gan.
Bệnh trần đòi-đoạn tâm can 心肝,
Lửa cơ 機 đốt ruột dao hàn 寒 cắt da !
- 65 — Gót danh-lợi 名利 bùn pha sắc xám,
Mặt phong-trần 風塵 nắng nám mùi dàu.
Nghĩ thân phù-thế 浮世 mà đau,
Bọt trong bể khô, 苦 bèo đầu bến mé 邊.
(11-12)
- 69 — Mùi tục-vị 俗累 lười tề tân-khổ 辛苦, (12bis)
Đường thế-đồ 世途 gót rõ khi-khu 崎嶇,

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

- Sóng cồn cửa bể nhấp-nhò,
Chiếc thuyền bào-ảnh 泡影 lơ-xô gặp-
ghênh. (13)
- 78 — Trẻ tạo-hóa đành-hanh ★ quá ngán, (14)
Chết đuối người trên cạn mà chơi ! (15)
Lò cừ nung-nấu sự đời, (16)
Bức tranh vân-cầu 雲狗 (17) vẽ người
tang-thương. (18)
- 77 — Đền Vũ-tạ 舞榭 nhện giăng cửa mөө,
Thú ca-lâu 歌樓 dễ khóc canh dài,
Đất bằng bồng rập chông gai,
Ai đem nhân-ảnh 人影 nhuộm mùi tà-
dương ?
- 81 — Mùi phú-quí 富貴 như làng xa-mã,
Bã vinh-hoa 榮花 lừa gã công-khanh, 公卿
Giấc Nam-kha 南柯 khéo bất tỉnh 不醒 (19)
Bờng con mắt dậy, thấy mình tay không !
- 85 — Sân đào-lý 桃李 giâm ★ lông man-mác (20)
Nền đỉnh-chung nguyệt gác mơ-màng (21)
Cánh bướm bề hoạn mệnh-mang,
Cái phong-ba 風波 khéo cợt phường lợi-
danh 利名.
- 89 — Quyền họa-phúc 禍福 trời tranh mất cả,
Chút tiện-nghĩ 便宜 chẳng trả phần ai !
Cái quay búng sẵn trên trời, (22)
Mờ-mờ nhân-ảnh 人影 như người đi đêm.
- 93 — Hình mộc-thạch 木石 vàng kim 今 ở cổ 古,
Sắc cầm-ngư 禽魚 ủ vũ 而 ế phong 風,
Tiêu-diều 蕭條 nhân-sự 人事 đã xong,
Sơn-hà 山河 cũng huyền, côn-trùng 昆蟲
cũng hư 虛.

97 — Cầu Thệ-thủy 逝水 ngời trơ cồ-độ 古渡 (23)

Quán Thu-phong 秋風 đứng rũ tà-huy
斜晖 (24)

Phong-trần đến cả sơn Khê, 山溪

Tang-thương 桑滄 đến cả hoa kia cỏ này.

101 — Tường huyền-hóa 幻化 đã bày ra đây,
Kiếp phù-sinh 浮生 trông thấy mà đau!
Trăm năm còn có gì đâu,

Chẳng qua một nắm cồ-khâu 古邱 xanh rì!

105 — Mùi tục-lụy đường kia cay-đắng,
Vui chỉ mà đeo-dằng trần-duyên 塵緣?
Cái gương nhân-sự 塵事 chiến-chiến 爭,

Liệu thân này với cơ-thiền 機禪 phải nao.

109 — Thà mượn thú tiêu-dao 逍遙 cửa Phật,
Mối thất-tình 七情 quyết dứt cho xong
(25)

Đa-mang chi nữa đèo-bồng ?

Vui gì thế-sự, mà mong nhân-tình 人情!

113 — Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa, 結義
Mượn hoa đàm 曇 được tuệ 慧 làm
duyên (26-27)

Thoát trần 脫塵 một gót thiên-nhiên,
天然

Cái thân ngoại vật 外物 là tiên 仙 trong đời.

117 — Ý cũng rấp ra ngoài đào-chú 陶鑄, (28)
Quyết lộn vòng phu-phụ 夫婦 cho cam!
Ai ngờ trời chẳng cho làm,

Quyết đem dây thắm mà giam bông đào!

121 — Hồn túc-trái 宿債 làm sao đây tá?
Hay tiền-nhân 前因 hậu-quả 後果 xưa
kia? (29)

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Hay Thiên-cung 天宮 có điều gì ?

Xuống trần 塵 mà trả nợ đi cho rồi.

125 — Kia điều-thú 鳥獸 là loài vạn vật 萬物,

Dấu vô tri cũng bắt dèo-bồng,

Có âm-dương 陰陽, có vợ chồng, (30)

Dấu từ thiên-địa 天地 cũng vòng phu-thê.

夫妻

129 — Đường tác-hợp 作合 trời kia giông-ruồi,

Lọt làm sao cho khỏi nhân-tình,

Thôi thôi ngánh mặt làm thỉnh

Thử xem con tạo gleo mình nơi nao ?

LƯỢC-TỰ (Đoạn III). — Đoạn này gồm có một trăm câu tiếp đoạn II, nói lời cung-phi tự khoe-khoang về quý-trọng của tài-sắc mình và lòng yêu-chuộng mình của phường máy râu, suy-nghĩ cuộc nhân-tình thế-sự lắm nỗi khắt-khe, toan đi tu cho trọn kiếp. Song chẳng rõ bởi tiền-nhân hậu-quả gì đây chưa trả hết nên phải sinh ra kiếp người ở chốn trần-gian để trả cho xong túc-trái tiền-nhân. Vậy phải liệu nhắm mắt đưa chân, để xem con tạo gleo mình nơi nao ?

GIẢI-NGHĨA (Đoạn III, từ câu 33 đến 132)

Tiếp lời cung-phi nói ở đoạn II, có lắm phần tài-sắc, nhưng vẫn giữ-gìn phẩm-giá của nhi-nữ như hoa xuân nợ còn phong kín nhụy non.

Như trăng thu kia chưa hé bóng sáng-lạnh (Hàn-quang ở cung Quảng-hàn) (Quảng-hàn thanh bư phủ 廣東清虛府, là nơi cung trăng có biển dề năm chữ ấy, nghĩa là nơi cung-phủ trong suốt, rộng và lạnh). Đường Minh-hoàng, đêm trăng-thu

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

lên chơi cung trăng cùng Đạo-sĩ La công Viễn, từng thấy cung-phủ ấy.

« Hồng-lâu còn khóa then sương », nghĩa là nơi lầu hồng còn khóa chặt then sương trong đêm thanh. Nghĩa bóng là phẩm-giá người con-gái nhà qui-phái đang gìn vàng giữ ngọc.

« Thâm-khuê còn giấm mùi hương khuynh-thành » nghĩa bóng như nơi khuê-phòng thâm-kín con-gái nhà qui-phái ở còn đương ủ kín mùi hương khuynh thành (1).

Biết bao nhiêu người anh-hùng tài-tri văn-võ kiếm-uru, (làng cung kiếm) rấp-ranh đến xin vào làm rể (bản sể) (2).

Cũng lắm kẻ quyền cao chức trọng (khách công-hầu) gấm-ghe đến dò tuổi hỏi tên (mong sao) (3).

Tuy ở bên ngoài xôn-xao như thế, nhưng ở trong chốn khuê-môn vẫn giữ kín phẩm-giá của mỹ-nhân như vườn xuân kia đang rào nẻo bướm-ong, không cho đến thăm hoa.

Dù thấy hoa tươi-tốt như kia, mà đâu đã dễ phăng ra lối vào tìm hương được

Dù có xôn-xao mặc ai, chứ lòng ta đây dù không phải là đá, cũng không thể lay-chuyển được (4)

Mà những kẻ có lòng yêu-chuộng ta e chẳng phải là duyên ưa phận đẹp với ta, như người phàm-trần đâu dễ đến Thiên-thai (5)

Vả phẩm-giá của tiên là hương trời, sá nào thềm động đến chốn phàm-trần

Dẫu có nghìn lạng vàng cũng không thể mua được một nụ cười bao giờ (6).

Ta thử ngẫm nhân-sự vì cơ gì xui trái lòng ta như thế.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Ấn là thôi, chớ nghĩ cuộc nhân-duyên phối-ngẫu nó vương chân ta bởi sợi xích-thăng (7).

Ta nắm vắt tay lên trán mà ngẫm-nghĩ cơ-hội chốn phàm-trần (cơ trần).

Thì ta chỉ muốn nhờ cảnh dương-liễu của Phật Quan Âm rưới nước phép nhiệm-mầu, làm cho nguội dần ngọn lửa nhân-duyên, rắp theo tu Phật (8)

Vì nhân-duyên ở cuộc đời chẳng qua như một giấc mộng.

Đã do cái máy huyền-vi của Tạo-hóa nó đóng mở khôn lường.

Thử xem một sự tầm-thường không quan-hệ, như sự ăn-uống là thường mà cũng có tiền-định thay, hưởng sự lớn-lao hơn nữa ; thật khá thương thay là sự tiền-định của người đời (9)

Bởi vậy trong đời có lắm kẻ (đời những kẻ) chịu biết hao nổi khổ-sở, nghìn lần bị co-mài, trăm lần gãy-vỡ (thiên-ma bách-chiết).

Tuy người thì còn đó, mà bụng đã chết nhiều lần (đời nau) ấy bởi cuộc đời lắm nổi dằng-cay.

Không trách gì người ta khi mới sinh ra (chón nhao cắt rốn) thì đã mang theo tiếng khóc bưng đầu ! (Có bản chép . . « tiếng khóc ban đầu », e không đúng).

Khóc, là khóc vì nỗi thiết-tha sự thế.

Vì ai đã bày ra cái trò « bãi bề nương dâu ? »
(10).

Đề khiến người ta từ khi trắng răng còn trẻ-mỏ, cho đến khi già-nua bạc đầu.

Đã trải bao phen tử, sinh, kinh, cụ (chết, sống, sợ, khiếp) nó tha-thiết nhiều cơn khổ-sở (làm nau mấy lần).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Trải qua một cuộc thành-bại (nên hư) thì người đã cần-cời đôi mái tóc (mái tóc già rụng ngắn-ngủi).

Và trải qua một thời-vận khi khốn-cùng, khi hanh-thông (cùng thông)

Khiến người ta chờ-đợi nóng-nảy như ai thúc-giục trong lòng (buồng gan).

Những nỗi ấy toàn là cái bệnh nơi cõi trần (bệnh trần) lăm đoạn đau-dớn ở trong tim gan người ta.

Giai-do ngọn lửa cơ (đói) nó đốt ruột và cái dao hàn (lạnh) nó cắt da, ấy bệnh trần là đói-rét vậy.

Bởi cơ-hàn thiết thân cho nên phải đua-tranh nhau trên con đường danh-lợi, đến nỗi gót chân lấm bùn, bùn lại quá bần-như pha thêm màu xám.

Và làm cho cái mặt phong-trần (gió bụi) bị nắng nám, nám quá nhiều hóa ra mùi dầu (sắc nâu lấm đỏ).

Nghĩ cái thân trôi-nổi trên đời (phù-thế) mà đau-dớn thay !

Cái thân người đời như một cái bọt trong bể khô, như một cánh bèo ở đầu bèn mè, bị thất-lạc lênh-dênh vậy (11-12).

Chịu lặn-lộn ở cuộc đời như thế, vì cái mùi tục (tục vị, chứ không phải tục-lụy như ở nhiều bản) nó làm luỡi ta tê mùi tán-khổ (cay-đắng).

Và giông-ruồi trên đường đời nhiều lần quá, gót chân phải rỏ, hao-khuyết từng đám một, bởi những bước gập-gheñ (khi-khu).

Thử gẫm thân-thế người ta ở giữa đời, có khác nào giữa cảnh sóng vỗ nơi cồn cát, nhấp-nhò nơi cửa bể.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Và thân người ta cũng như chiếc thuyền bằng cái bọt, cái bóng, nó bị sóng vỗ ló-xô gập-ghenh thực nên dễ tắt dễ tan ! (13).

Thật là trẻ Tạo-hóa (Trời) đã quá nên cất-có quá ngán ! (đánh-hanh quá ngán) (14).

Sao trên bờ cạn là nơi không có nước, mà cũng bắt người ta phải chết trên cạn mà chơi ? Trái ngược thay (15).

Ngao-ngán thay Tạo-hóa là một cái lò cừ (lớn) để nung-nấu những chuyện ở trên đời (16).

Nung-nấu làm nên thay-đổi đổi-thay như bức tranh vân-câu vẽ người tang-thương. (17-18)

Sự đổi-thay ấy hiện nên những vẻ cảm-khái như kia là một cái vũ-tạ kia (rạp múa) trước kia là một nơi náo-nhiệt, mà nay chỉ còn con nhện giăng nơi cửa móc.

Và nơi ca-lầu (lầu hát) nọ, trước kia là nơi dập-diu tơ trúc, mà nay chỉ nghe con dế khóc lúc canh dài !

Và những nơi đất phẳng-bằng đi yên-lành, bỗng đem chông-gai rắc chằng cho đi.

Và cái bóng người ta đang độ sớm mai, (trẻ-mỏ) lại đem bóng nắng chiều (tà dương) mà pha-nhuộm, bỏ-phế như người già-nua.

Lại thêm nổi nên chán hơn nữa là cái mồi phú-quí (phú-quí như cái mồi câu cá) nó như, nó tóm-thu những bạc lên xe xuống ngựa (làng xa-mã).

Cái bã vinh-hoa (vinh-hoa là vị thuốc độc) làm mồi bã mà hại kẻ công-khanh.

Vinh-hoa phú-quí ấy có lâu-dai đâu, chẳng qua

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

như một giấc-mộng « Nam-kha » đã nên vô tình (bất tình). (19)

Qua giấc-mộng, mở bừng con mắt (thức dậy) thấy mình vốn hai bàn tay không !

Phù-quí vinh-hoa đâu nữa, chỉ còn có chẳng là sân đảo-lý dưới trời mây im lờng man-mác (20)

Và cái nền đỉnh-chung trong cảnh thê-lương bóng nguyệt gác mơ-màng còn có gì đâu ! (21)

Ngao-ngán thay vì lợi-danh phải đem thân theo cánh bướm nơi bề hoạn (quan-trường) mệnh-mang chìm-nổi giữa phong-ba,

Thật là cơn sóng gió (phong-ba) ấy khéo đùa-cợt những phùng tham lợi cầu danh (cái phong-ba khéo cợt phùng lợi-danh).

Như vậy ta nên gẫm kỹ mà xem, bao nhiêu quyền họa-phúc của người ta đã bị trời kia giành mất cả.

Mà sự tiện-nghi tự-do của loài người, thì trời kia có chịu trả lại cho phần ai đâu ?

Đó chỉ vì một cái máy quay, nó bung ra, quay mãi ở trên trời, quay tít-mù (22)

Nó làm cho ai nấy phải nương theo cái bóng của mình (nhân-ảnh) mơ-hồ như người đi đêm.

Cái máy quay ấy luân-chuyển đã làm nên vàng ó cho đến những vật vô-tri-giác như loài mộc-thạch (đá gỗ) tự xưa nay như một thành-lệ

Nó cũng làm nên ủ, é đến cả cầm-ngư không quan-hệ với đời (cầm ngư là chim cá) theo luồng gió cơn mưa. (Hai câu 93-94 tác-giả dùng lối chiết-nghĩa chữ : vàng, ó,, ủ, é những chữ mộc, thạch, cầm, ngư, cỏ, kim, phong, vũ, mỗi chữ bày-sắp mỗi nghĩa nối nhau).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Như thế chẳng những sự tiêu-diệt thất-bại nơi nhân-sự đã đành, cho...

Cho đến cả non-sông (sơn-hà) cũng phải thay-dổi (mộc thạch vàng kim ở cổ) và loài cầm-ngư cũng phải ủ-ê (sắc cầm-ngư phải ủ-ê theo luồng gió cơn mưa).

Như vậy thì nào là người mãn thế ưu thời phải sinh lòng cảm-xúc vô hạn đành ngồi trơ bèn cầu Thệ-thủy, bến cũ (23)

Và chịu đứng rũi chân dưới bóng trời (tà-huy) ở quán Thu-phong. (24)

Gồm-ghe thay nổi phong-trần lan khắp chốn sơn-kê (núi khe)

Và cảnh tang-thương thấu đến loài cây-cỏ vậy.

Cái tuồng huyền-hóa (biến-hóa hư-huyễn) trời kia đã bày ra như thế, mà...

Mà cái kiếp phù-sinh (sống trời nổi) trông thấy mà đau.

Đau vì sau một đời người là kỳ-hạn trăm năm rồi còn có gì đâu?

Có còn chẳng nữa là chẳng qua còn một đám cồn mờ-mả với cỏ xanh ri-ri!

Kết-quả mùi tục-lụy lưởi đã tẻ cay-dắng

Thì còn thú vui chi nữa mà mong đeo-dắng với duyên-nợ trần-phàm.

Ta đã thấy gương thế-sự nhân-tình tỏ tường như kia (chiền-chiền)

Ta cũng nên liệu thân-phận ta đi tu theo cái cơ-thiền (then máy nhà Phật) phải chăng? (phải nao).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Vậy thì thả rằng ta hãy mượn thú tiêu-dao thả
thả nơi cửa Phật.

Đề ta dứt hết mối thất-tình (25), quyết dứt cho
xong.

Ta chớ nên đa mang chi nữa, ta đeo-bông mãi
với trần-duyên.

Nó có vui gì nơi thế-sự mà còn mong nhân-tình.

Ấu là ta nên vầy cùng gió mát trăng thanh ta
kết nghĩa

Và mượn sự nhiệm-mầu của hoa đàm (26)
đước tuệ (27) mà làm nhân-duyên.

Ấy mới thoát được nợ trần với một bước
thiên-nhiên.

Thoát kiếp người hóa thành thân ngoại-vật
(cái cây hòn đá) là tiên ở trong đời vậy.

Ý ta cũng rập thoát thân ra ngoài vòng nần-
đức của tạo-hóa (đào-chú) (28).

Ta quyết lộn ra ngoài vòng chông-chông vợ-
vợ cho cam lòng ta

Song có ngờ đâu trời kia không cho ta làm
theo ý-nguyện của ta định, mà...

Mà trời quyết đem giây thắm mà giam bông đào
(bông đào, nghĩa bóng người đẹp).

Trời làm như vậy là hẳn ta còn mắc mối nợ
ngày trước (tức trái) làm sao đây chẳng (làm sao
đây tá) ?

Hay ta còn mắc cái tiền-nhân và hậu-quả gì
đây ? (29)

Hay là thân ta nguyên trước kia là tiên ở trên
trời, có phạm lỗi gì ở nơi cung trời (thiên-cung).

Mà nay bắt ta phải bào-thai xuống chốn trần-
hoan đây mà trả nợ cho rồi?

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Đối với những tư-tưởng ấy ta nên xét kỹ thử xem, kia loài chim, loài thú, vốn là loài vô tri, vốn là loài vạn vật.

Dấu là vô tri, mà trời cũng bắt có đôi lứa đèo-bồng.

Vì theo lẽ tự-nhiên của Tạo-hóa, đã có khí âm khí dương ắt phải có đôi lứa vợ chồng (30).

Dù là trời đất cũng có vòng vợ chồng (phu-thê) có âm-dương phối-hợp thì mới có trời đất tức là « dấu từ thiên-địa cũng vòng phu-thê ».

Xem như thế đủ rõ rằng cái đường tác-hợp (sự phối-hợp vợ chồng trời định) vốn có trời kia đưa-dây giông-ruổi.

Thì tự ý ta muốn lọt cho khỏi, khỏi làm sao được, ra ngoài vòng nhân-tình?

Vậy, thôi thôi ta hãy ngảnh mặt làm thinh.

Đề ta thử xem con Tạo (Trời) sẽ gieo ném thân ta vào nơi nào?

Đến đây đã hết một đoạn gọi là « Trạng-thực » kể rõ sự-trạng đích-thực của nhân-tình thế-sự có lắm nỗi éo-le nên phú mặc quyền Tạo-hóa tính-toan định-liệu.

CHÚ-THÍCH.— (1) « *Khuynh thành* 傾城 ». Sắc đẹp đàn-bà làm đến nỗi nghiêng thành nghiêng nước (Xem chú-thích 3 trang 29).

(2) « *Bản sê* ». Bội chữ « *tước-bình* 雀屏 ». Tước là con sê hoặc con công. Bình là bức tranh chắn gió. Đây dùng tích chọn rêu. Sách *Đường-thư* 唐書 chép: Cha bà Đậu Hậu 竇后 là ông Nghị 毅 chọn rêu, bèn vẽ con công trên một bức bình-phong, đề những con nhà quý-phái ai bắn trúng

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

con mắt chim ấy thì được gả con. Sau đã có lắm người bản không trúng. Cuối cùng là Đường Cao-tò (khi chưa làm vua) bản trúng, được vợ tức Đậu Hậu. Về sau dùng tích ấy là sự chọn rề. Tước 雀 hoặc 爵, là con công (không-tước 孔雀), hay chim sè. Đây dùng chữ bản sè, vì chữ Tước có hai nghĩa con công, con sè.

(3) « Mong sao » là trông ngôi sao trên trời. Bởi chữ Tinh-kỳ 星期 ở Kinh Thi 經詩 nói sự thành hôn, nên lễ cưới vợ có câu : « Trù mâu thúc tân, tam tinh tại thiên, kim tịch hà tịch, kiến thử lương-nhân 綢繆束薪,三星在天,今夕何夕,見此良人... : Chăm-chỉ bó củi, trông ba ngôi sao trên trời. Đêm này hay là đêm nào, sẽ thấy người bạn lành của ta ; ý nói khi chăm làm-lụng và trông có lứa đôi. Đây dùng mong sao, lấy ý câu ấy. (Sự dò tuổi hỏi tên câu bề phối-ngẫu cũng gọi mong sao).

(4) « Gan chẳng đá khôn đường khá chuyễn », ý nói tấm lèng vốn không phải là đá mà dễ lay-chuyển được. Kinh Thi, thiên Bá Châu 柏舟 : « Ngã tâm phi thạch, bất khả chuyễn giã 我心匪石,不可轉也 ».

(5) « Thiên-thai 天台 », tên núi có tiên ở. Đời Đông-Hán 東漢 có Lưu Thần 劉晨 và Nguyễn Triệu 阮肇 vào hái thuốc ở núi Thiên-thai, gặp hai tiên-nữ kết làm vợ chồng, được vài tháng nhớ nhà xin về thăm. Về đến nhà đã quá bảy đời người, chỉ còn đứa cháu bảy đời. Sau hai người Lưu và Nguyễn lại rủ nhau vào núi mất tích. Hai người ấy còn cố phàm-thai nên không trọn đời làm tiên.

(6) « Dầu vàng nghìn lang dễ cười một khi », ý nói mua được nụ cười dù có vàng nghìn lượng cũng chẳng có. Thơ Vương tăng Nhu 王僧孺 vịnh người hầu yêu : « Nhất tiếu thiên kim mãi 一笑千金買 » : một nụ cười nghìn vàng cũng mua. Thơ Lý Bạch 李白 : « Mỹ-nhân nhất tiếu hoán

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

thiên kim » : nụ cười người đẹp xứng một nghìn lạng vàng.

(7) « Xích-thăng » dây dò. (Diễn Vy Cổ). Vy Cổ 韋
國 đời Đường ở Tống-dô 宋都, đêm đi chơi mát, gặp ông
già ngồi xem sách ở dưới trăng, bên có cái dây dựng tơ dò
(xích-thăng) hỏi, ông đáp rằng : Quyển sớ này chép tên tuổi,
dây dựng sợi tơ dò dề buộc duyên-phận vợ chồng người.
Những người đã ghi tên vào sớ này, đã buộc sợi tơ dò này,
dù người thù hoặc ở nước khác cũng vậy nên chồng vợ. Ông
này không có tên, ông xem sách dưới trăng nên gọi Nguyệt-
lão : ông già dưới trăng. « Trăng già » đều nghĩa ấy.

(8) « Nước dương » bởi chữ Dương-chi-thủy 楊枝
水, giọt nước nơi cành dương-liễu. Sách Pháp-uyên Châu-lâm
法苑珠林 chép : ông sư tên Phật đồ Trùng 佛圖澄
người nước Thiên-trúc 天竺 một hôm ông Thạch Lặc 石
勒 mời đến nhà chơi, vừa có đứa con đau bệnh nặng. Phật
đồ Trùng lấy cành dương-liễu tắm nước phép rảy cho đứa
bé đau, liền lành khỏi, Phép ấy của Phật Quan Âm nên
ở tượng vẽ bên Phật Quan Âm có bình ngọc cầm cành
dương-liễu.

(9) Sự ăn-uống vốn có tiền định. Sách Mạnh Tử nói:
nhất ẩm nhất trác sự giai tiền-dịnh. Vạn sự phận dĩ định,
phù-sinh không tự mang 一飲一啄事皆前定。萬事分
已定。浮生空自忙 : một bữa ăn bữa uống cũng đã có
định trước, muôn việc thầy có định phần cả ; chỉ có sự sống
trôi-nổi làm nên bán-khoản mà thôi.

(10) « Bãi bèo nương dâu », bởi chữ Tang Thương 桑
滄 : Tang là cây dâu, nương trồng dâu. Thương là bèo khơi,
bãi bèo. Sách Liệt-tiên-truyện chép : Bà Ma-có tiên nữ 麻姑
仙女 đã nói bà từng thấy một nơi kia đám nương trồng dâu
đã ba lần hóa thành bãi khơi, bãi bèo v. v. Ý nói sự thay-đổi
nơi trần-thế nhiều lần. Tang-hải — Tang-thương — Bãi bãi
nương dâu — Bãi dâu, đều một nghĩa.

(11) « *Bề khồ* » bởi chữ Khồ-hải 普濟. Tiếng nói của nhà Phật, ví sự khôn-khò mênh-mông vô cùng như bề vậy.

(12) « *Bến mê* », bởi chữ mê-tân 迷津, nhà Phật nói : sự ngờ-vực ở nơi tam-giới và lục đạo 三界六道 thì gọi là Mê-tân, bến lạc đường phải nhờ thuyền Từ-bi của Phật mới đưa vào đến bến.

(12 bis) « *Mùi tục-vị lười té tân khồ* ». Có bản chép « tục-lự » e sai vì « tục-vị » mới đối với « thế đồ », (vị = mùi ; đồ = đường).

(13) « *Bào-ảnh* 泡影 », là cái bọt, cái bóng. Kinh Kim-cương bát-nhã 金剛般若 nói : nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ riệc như điện, ưng tác như thị quan 一切有為法, 如夢, 幻, 泡, 影, 如露亦如電, 應作如是觀 nghĩa là : hết thảy những điều có làm, có bắt-chước thảy là như giấc chiêm-bao, như chuyện huyễn-ảo, như bọt nước, như bóng đèn, như giọt móc và cũng như ánh sáng của chớp-nhoáng, thì hết thảy nên xem như vậy cả. Ý nói những sự hiện hữu uên đời đều không được lâu bền.

(14) « *Trẻ Tào-hóa* » bởi chữ Tào-hóa 洵化 小兒, trẻ nhỏ Tào-hóa, lời nói bốn gọi ông trời bằng trẻ con ; bởi diên ông Đỗ thăm Ngôn 杜審言 đời Đường, khi đau nặng, bọn ông Tống chi Vấn 宋之問 vào thăm, Đỗ thăm Ngôn nói rằng : « Ngao-ngán thay trẻ Tào-hóa làm ta nên khồ-sở... » (Đường-thư 唐書).

(15) « *Chết đuối người trên cạn* », bởi chữ Lục-trầm 陸沉. Lục là trên cạn. Trầm là chìm-dắm, Trang Tử nói : Không thềm đi chung với đường đời gọi là chết đắm uên cạn. Đây dùng ý không hợp với tình đời.

(16) « *Lò cử* » là cái lò to lớn, bởi chữ ở bài phú của ông Giã Nghị có câu : Thiên-địa vi lò hồ, tào-hóa vi công 天

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

地為爐兮，造化為工， nghĩa là : Trời đất làm cái lò, mà đấng Tạo-hóa làm thợ để đúc-nặn ra muôn vật.

(17) « *Vân cầu* 雲狗 » là mây chó, thơ Đỗ Phủ 杜甫 : Thiên thượng phù-vân như bạch-y, tu tư hốt biến vi thương cầu 天上浮雲如白衣，須臾忽變為蒼狗 : trên trời đám mây nổi như cái áo trắng, bỗng chốc hóa hình con chó xanh (xám). Ý nói sự biến-chuyển nhanh-chóng của mây. Về sau đem ví sự thay-đổi trên đời.

(18) « *Tang-thương* 桑滄 » (Xem chú-thích trang 46).

(19) « *Giấc Nam Kha* », bởi chữ Nam Kha mộng 南柯夢, giấc mộng ở cảnh hướng nam. Tên một bài ký của Lý công Tá 李公佐 đời Đường chép rằng : Thuần vu Phần 淳于棼 chiêm-bao đến nước Hoè-an 槐安 được quốc-vương cho làm chức Thái-thú và gả con gái cho, đủ mọi sự vinh-hiến ; sau bị thua trận, lại vợ chết và bị ông gia nghi-kỵ cho về, bỗng tỉnh giấc, thấy mình ngủ dưới gốc hòe, dưới nhánh hòe hướng nam có cái hang kiến, mới sực tỉnh-ngộ là mình chiêm-bao vào nơi hang ấy.

Về sau dùng điển ấy ví sự vinh-hoa là giấc mộng.

(20) « *Vườn đào-lý* » bởi chữ Đào-lý viên 桃李園 là một nơi danh-thắng ở Kinh-đô Trùng-an xưa, mà Lý Bạch đã cùng các bạn văn-chương hội-hợp làm bài Tự序 rất nổi tiếng. Vườn vườn đào-lý nghĩa bóng nơi hội-hợp khánh-văn-vật tài-ba. Đào-lý cũng có nghĩa là kẻ quan-lại có tài-năng do một vị đại-thần tiền-cử. Điền ông Địch nhân Kiệt 狄仁傑 đời Đường, tiền-cử hơn 30 người quan-lại có tài-năng, nên có lời công-chúng khen là : Đào-lý trong thiên-hạ đều ở nơi cửa ngài mà ra. « Thiên-hạ đào-lý tận tại công-môn 天下桃李盡在公門 ».

(21) « *Nền đỉnh-chung* ». Đỉnh鼎 là cái vạc. Chung 鐘 là cái chuông, nhà quyền-quí có đông người, phải dùng cái vạc mà nấu ấu, dùng cái chuông mà gọi người ăn cơm.

Dùng chữ Đỉnh-chung hoặc Chung-đỉnh, Chung-vạc đều là một nghĩa như nhau.

(22) « *Cái quay* » bởi chữ Luân-hồi 輪迴, bánh xe quay, là cái máy quay của Tạo-hóa ; nhà Phật nói : chúng-sinh ở trong thế-giới, từ khi đầu tiên đến nay cứ bị quay xoay vần ở trong lục-đạo 六道 hết kiếp này đến kiếp kia mãi, như cái bánh xe quay mãi không thôi. Chỉ có kẻ tu-hành đặc đạo mới thoát khỏi luân-hồi ấy.

(23) « *Thệ-thủy* 逝水 » là nước chảy. Câu thệ-thủy bởi lấy chữ ở sách Luận-ngữ, Đức Khổng Tử đứng trên sông mà nói rằng : Thệ giả như ty phù, bất xả trú dạ 逝者如斯夫, 不舍晝夜 : nước chảy như vậy chẳng dứt cả đêm liền ngày. Ý nói sự hóa-sinh của trời đất nó tiếp-tục nhau không bao giờ thôi, như nước chảy vậy. Đó là lẽ đạo-thề bày-tỏ thí-dụ ở nước chảy cho ta thấy. Nghĩa bóng nói vật gì cũng sẽ khuất-lấp cả. « Cầu thệ-thủy ngồi trơ cò-độ », ý nói ngồi nơi bến cũ (cò-độ) mà nhìn sự quá-vãng trên đời.

(24) « *Quán thu-phong* 秋風 » bởi chữ Trừu-phong 秋風 là sự cầu-xin kẻ khác giúp-dỡ mình. Nhưng lâu ngày theo lời truyền-ngoa của thế-tục nói « trừu-phong » ra « thu-phong » là muốn cầu-xin người giúp-dỡ. « Quán thu-phong đứng rú tà-huy », ý nói đứng dưới bóng nắng chiều rú chân mà chờ-đợi sự giúp-dỡ.

Thu-phong cũng có nghĩa gió mùa thu, có vẻ hắt-hiu thêm buồn. Câu thệ-thủy, quán thu-phong, hai chữ cầu, quán, dặm thêm-cho có nghĩa có tên chữ vốn không có quán nào, cầu nào tên là thệ-thủy, thu-phong cả.

(25) « *Thất tình* 七情 » là bảy tình của người ta là : hỷ, nộ, ái, lạc, ái, ố, dục 喜, 怒, 哀, 樂, 愛, 惡, 慾 : mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét và muốn, là tình ai ai cũng có.

(26) « *Hoa-đàm* » bởi chữ Ưu-đàm-hoa 優曇華 là một hoa thiêng-liêng của nhà Phật, ba nghìn năm mới có

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

một lần nở hoa, mỗi khi có hoa tức có Phật ra đời. (Điền lược chép ở Pháp Hoa kinh 法華經).

(27) « Đuốc tuệ » bởi chữ Tuệ-hỏa 慧火, tiếng nhà Phật nói : ngọn lửa trí-tuệ đề đem chúng-sinh ra khỏi nơi chướng-ngại khổ-sở. (Hoa Nghiêm kinh 華嚴經).

(28) « Đào-chủ 陶鑄 » là nắn-dúc, tức tạo-hóa nắn-dúc nên muôn vật, nghĩa bóng là Trời-dất.

(29) « Tiền-nhân 前因 » là sự nguyên-nhân đời trước. « Hậu-quả 後果 » là sự kết-quả đời sau. Điền Phật ở Truyền-dăng-lục 傳燈錄 nói : Dục tri tiền thế nhân, kim sinh thọ giả thị ; dục tri lai sinh quả, kim sinh tác giả thị ; muốn biết nguyên-nhân đời trước ta thế nào, thì ta cứ xem hưởng-thụ của ta đời nay ; muốn biết sự kết-quả đời sau thế nào, ta cứ xem sự ta làm đời nay đó. Nghĩa đen : nếu đời trước ta vốn có nhân-dức thì đời nay được hưởng-thụ sự lành ; nếu đời nay ta làm điều không lành, ắt đời sau sẽ bị thiệt-hại vậy.

(30) « Có âm-dương, có vợ chồng » Kinh Lễ 禮記 nói : Khí âm hay sinh nhưng phải có khí dương mới sinh được ; khí dương hay nuôi vật nhưng nếu không có khí âm thì không ón dượ-. Cho nên trai phải có vợ, gái phải có chồng, phối-hợp âm-dương mới có thể sinh-trưởng được.

IV

133 — Tay Nguyệt-lão 月老 khờ sao có một, (1)

Bồng tơ - tình vương gót cung - phi

宮妃 (2)

Cái đêm hôm ấy, đêm gì ?

Bồng Dương 陽 (3) lờng bóng Đờ-mỹ 荼靡
trập-trùng.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

137 — Khoa 科 thược-dược 芍藥 (5) mơ-mòng
thụy-vũ, 瑞雨 (6)

Đóa 朵 hải-đường 海棠 (7) thừc ngử
xuân tiêu 春宵 (8)

Cành xuân hoa chúm-chím chào,

Gió đông thổi đã cợt đào 桃 ghẹo mai 梅.

141 — Xiêm nghê 霓霓 nọ tả-tơi trước gió, (9)

Áo vũ (10) kia lấp-ló trong trăng,

Sanh-ca 笙歌 mấy khúc vang lưng,

Cái thân Tây Tử 西子 lên chùng điện Tô.

殿蘇 (11)

145 — Đệm hồng-thúy thơm-tho mùi xạ

(12-13)

Bóng bội-hoàn 佩環 lấp-ló trắng thanh (14)

Mây-mưa mấy giọt chung tình (15).

Đình Trầm-hương 沉香 khóa một cành

mẫu-đơn 牡丹 (16).

149 — Tiếng thánh-thót cung đàn thúy-dịch

翠掖 (17).

Giọng ni-non ngón dịch đàn-trì 丹墀 (18),

Càng đàn, càng dịch, càng mê,

Càng gay-gắt điệu, càng tê-tái lòng!

153 — Mây ngai lẫn mặt rồng lồ lộ (19-20),

Sấp song song đôi lửa nhân-duyên 姻緣

Hoa thơm muôn đội ơn trên.

Cam công mang tiếng thuyền-quyên 煙烟

với đời.

157 — Trên chín bệ mặt trời gang tấc (21),

Chữ xuân 春 riêng sớm chực trưa chầu

(22)

Phải duyên hương-lửa cùng nhau (23)

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

- Xe dê lợ rặc lá dâu mới vào (24-25).
161 — Khi ấp mạn ôm đào gác nguyệt 月,
Lúc cười sương cột tuyết đèn phong,
楓 (26)
Đóa lê 梨 ngon mắt cừu-trùng (27-28)
Tuy mây điểm nhạt nhưng lòng cũng xiêu
(29)
165 — Vẻ vưu vật 尤物 trăm chiều chải-chuốt
(30)
Lòng quân-vương chi chút trên tay (31)
Má hồng không thuốc mà say,
Nước kia muốn đở, thành này muốn long !
(32)
169 — Vườn Tây-uyển 西苑 khúc trùng.
Thanh-đạ, 清夜 (33)
Gác Lâm-xuân 臨春 điệu ngà Đình-hoa.
庭花 (34)
Thừa ân 承恩 một giấc canh tà, (35)
Tờ-mờ nét ngọc, lập-lòa vẻ son. (36)
173 — Trên trướng gấm Chí-tôn 至尊 vôi vôi,
(37)
Nhưng khi nào gấn-gũi quân-vương 君王
Dầu mà ai có nghìn vàng,
Đố ai mua được một tràng mộng xuân
場夢春. (38)
177 — Thôi cười nọ, lại nhân mây liễu, (39)
Gheo hoa kia, lại nhũ gót sen, (40)
Thân này uốn-éo vì duyên,
Cũng cam một tiếng thuyên-quyên 暄妍
với người !
181 — Lan mấy đóa lạc-loại sơn-dã, (41)

Uống mùi hương vương-giả 王者 澡
thay ! (42)

Gắm như cân-trất 中栴 duyên này, (43)

Cam công đặt cái khăn này tác-ơ *! (44-45)

185— Tranh tỷ-dự 比翼 nhìn ưa chim nọ, (46)

Đồ liên-chi 連枝 lẫn trở hoa kia, (47)

Chữ đồng lấy đó mà ghi, (48)

Mượn điều thất-tịch 七夕 mà thề bách-
niên 百年. (49)

189— Hạt mưa đã lợt miền đài-các 臺閣, (50)

Những mừng thăm cá nước duyên may
(51)

Càng lâu, càng lấm mùi hay,

Cho cam công kẻ nhúng tay thùng chàm
(52)

193— Ai ngờ bỗng một năm một nhật,

Nguồn cơn kia chẳng tét mà vơi!

Thôi-di 推移 đâu biết cơ trời,

Bỗng không mà hóa ra người vị vong 未亡!
(53)

GIẢI-NGHĨA (Đoạn IV). — Tiếp theo tư-tưởng
đoạn III, nói lời cung-phủ nói phải đành chịu nhấm
mất đưa chân, phú mặc trời kia giông-ruồi đây-đưa
duyên-phận đến nơi nào

Ngờ đâu tay Nguyệt-lão quá khờ, lại đem mối
tơ-tình vương gót, khiến phải làm cung-phủ,

Khi ban-đầu được vào làm cung-phủ vẫn được
hương đài điều vinh-quí; những tưởng món-mỹ
rang-rỡ, thân hiền danh dương, ngờ đâu một ngày
một bị kếm phần sủng-ái, chẳng khác nào một gái
gón chồng.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(Đoạn này còn về phần câu «Trạng» như đã nói ở mục tiêu-dẫn trên).

GIẢI-NGHĨA (Đoạn IV, từ 123 đến 196)

Những tưởng nhờ tay Nguyệt-lão buộc tơ-hồng nơi phạn đẹp duyên ưa, ngờ đâu Nguyệt-lão quá khờ (1).

Bỗng đem sợi tơ-tình vương gót, làm kẻ cung-phi (2).

Nay nhờ lại cái đêm hôm ấy đưa vào cung làm cung-phi là cái đêm gì?

Chính là đêm đã được vua đoái-hoài như bóng dương-quang mặt trời kia lẫn bóng hoa Đờ-my. trùng-trùng điệp-điệp (3-4).

Cái tình-trạng đêm ấy còn tưởng-tượng chẳng khác một cảnh thực-được, khoe vẻ đẹp mơ-màng dưới đám mưa thụy-vũ ngày xuân êm-dịu (5-6).

Và chẳng khác đóa hải-đường say ngủ lúc đêm xuân (7-8) (xuân tiều : đêm xuân).

Rõ-ràng như cảnh hoa xuân biết nói, dang hé nụ cười chúm-chím chào chúa xuân.

Mà gió đông của chúa xuân đã thổi cảnh mai đào mà gheo hoa xuân vậy.

Thật đã nên xinh : xiêm-nghe các ca-nhi vũ-nữ tả-toi trước gió (9)

Và những vẻ áo vũ-y lấp-ló trong trắng của các vũ-nữ nhón-nhờ như tiên-nữ ở cung trăng (10) múa châu-hầu cuộc vui.

Lại thêm cung đàn tiếng địch (sinh ca) mấy khúc vang lừng.

Vui sướng thay, khác gì nàng Tây Thi xưa khi

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

mới đưa vào đèn Cò-tô của vua Ngô vậy (11).

Nhà vua có lẩm vật sang-quí thay . Giường trải nệm thúy-hồng, thơm-tho nhang xạ (12-13).

Và các cung-nhân đeo châu-ngọc bội-hoàn nhón-nhờ lấp-ló lúc đêm thanh (14).

Sau khi đã vâng ân sủng-hạnh chung-chạ gối chần với dấng quân-vương, như chuyện Thần-nữ non vu, mây-mưa mấy giọt chung tình (15)

Thì vinh-quí biết là bao, chẳng khác Dương quý Phi được vua Đường Minh-hoàng yêu và khóa kín ở trong đình Trầm-hương như một cành hoa mẫu-đơn (16).

Trong khi ấy tai nghe cung đàn thánh-thót nơi thúy dịch (17).

Và ngôn dịch giọng ni-non ở chốn Đan-tri (18)

Càng nghe đàn-dịch càng say mê.

Điều đàn-dịch càng hay càng trời (gay-gắt) bao nhiêu càng vui-sướng như tè-tái lòng bấy nhiêu.

Sang qui biết là bao : ta là gái « mây ngài », vua là dấng « mặt rồng » đã sắp lẫn nhau ngang hàng (19-20).

Sắp ngang nhau đôi lứa nhân-duyên (vợ-chồng) (song song).

Biết lấy lời gì để tỏ lòng cảm-tạ ? Chỉ biết tâu mấy lời rằng : « Hoa thơm muôn đời ơn trên ».

Và như vậy là đã xứng với công (cam công) đã mang tiếng thuyên-quyên (tốt-tươi xinh-đẹp) với đời.

Lúc bấy giờ đã gần một bên mặt trời (nơi gang tấc — tức là ở gần bên vua) (21)

Thì được chữ xuân-tinh riêng (22) vua đã yêu-

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Đương nên lo phần sớm chực trưa chiều, được châu-chực mỗi ngày hai lần.

Ấy là bởi phải duyên hương-lửa ba-sinh với nhau, tức có duyên-nợ với vua từ mấy kiếp trước (23).

Chữ phải đầu như các cung-nhân khác, muốn được châu-hầu vua thì tất phải rắc lá dâu cho xe dè vào rồi mới được gần vua (xe dè lọ rắc lá dâu mới vào) (24).

Khi châu-hầu vua cũng như tình chẵn-gối vợ-chồng, khi ôm mặt, khi ấp đào nơi gác nguyệt (25) Và khi cười sương cột tuyết chốn đèn-phong (29).

Một vẻ tốt-tươi như hoa lê (27) xem ngon mắt cứu-trùng (vua) (28).

Dù mây diềm nhạt (có nhan-sắc thiên-nhiên) thì lòng vua cũng xiêu vậy (29).

Tự nghĩ mình là một vẻ đẹp hiếm có trên đời (vưu vật) lại có đến trăm chiều chải-chuốt, hẳn là vua càng yêu-dấu hơn nữa (30)

Nào ngờ đầu lòng quân-vương chẳng có chút chi gọi là chút « trên tay » (quí như hòn báu trên tay) (31).

Vi sao mà lòng quân-vương lại đổi-thay như thế ?

Có lẽ vì ngài nghĩ rằng bọn má-hồng kia vốn độc-ác, dù không có thuốc cũng làm cho vua phải say-mê. Nếu vua say-mê thì chúng nó làm cho nước muốn đổ, thành muốn long (32).

Thời quân - vương lại vui chơi thú khác, lại cùng các cung-nhân khác mở cuộc chơi ở vườn Tây-nguyên mà hát lại khúc Thanh-dạ-du (33).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Lại chơi ở gác Lâm-xuân ca-xương khúc Hậu-đình-hoa (34) mà dành xao-nhãng tình yêu-đương ta.

Ta còn hy-vọng gì chẳng, nếu còn chi chẳng nữa, chẳng qua còn một giấc mộng thừa-án (35) trong lúc đêm khuya trắng tà.

Trong giấc mộng thừa-án ấy là một giấc mơ-hồ chỉ còn tờ-mờ nét ngọc, lập-lòa vẻ son ở trong sự chần chùng gối chạ đó thôi (36).

Khi ấy ta xem quân-vương không phải tình kháng-lệ nữa, mà chính là bậc Chi-tôn cao vọi vọi trong trường gấm (37).

Khó lắm thay! Dầu ai có nghìn vàng

Đố ai đã dễ mua được một tràng mộng xuân (38).

Khi sự yêu-đương đã mất rồi, riêng ta buồn-bực xiết bao: thôi cười lại nhăn-nhó đôi mày liễu (39).

Khi muốn giải muộn đi ghẹo hoa cho đỡ buồn, lại dạo quanh nhũu-nhứt gót sen (40).

Ta phải uốn-éo như vậy, bởi thân ta vì duyên chẳng hài lòng.

Thật đã nên mang tiếng thuyền-quyên với người thêm hoài công lắm thay! Ta với các bậc thuyền-quyên cũng phường nhi-nữ song riêng ta sao không toại ý vui lòng!

Vì thân ta chẳng khác nào hoa lan kia mấy đóa đã từ nơi sơn-dã phải lạc-loại về chốn trần-ai (41)!

Đáng uổng thay cho mùi hương lan đã từng xung « vương-giả » lắm thay (42)!

Nay gẫm kỹ mà xem, sự lấy chông nên cái duyên-phận thế này (cân-trất duyên này) (43).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Thì thêm hoài công cha mẹ sinh ra làm gái làm thay! (đặc cái khăn này tắc-ơ) (44-45).

Khi ta đã bị duyên-phận lẻ-loi, thì xui ta ưa nhìn bức tranh « Tỹ-dục » (chim liền cánh) (46)

Và ưa chỉ-trỏ hoa kia cành nọ, ở bức đồ Liên-chi (47).

Chữ Đồng-tâm biết bằng-cứ vào đâu? Chỉ bằng ở những bức họa-dồ hư-huyền ấy mà vui đỡ kéo mà... (48).

Và nếu nhắc đến sự bách-niên giai-lão thì ta hãy mượn đêm thất-tịch mà thề-nguyên đó thôi (49) vẫn là chuyện hoang-đường!

Ta nghĩ rằng: như lời thế tục thường nói « Thân ta như hạt mưa sa vào nơi dài-các » (50)

Thì ta cũng mừng thầm có phận đẹp duyên ưa, như cá với nước vốn ưa nhau (51)

Tưởng rằng càng lâu càng thêm lắm mùi hay.

Cho khỏi ồng công kẻ đã lỡ nhúng tay vào thùng chàm (52)

Có ngờ đâu duyên-phận mỗi năm một nhạt

Cái nông-nổi nguồn-cơn chẳng tát đi mà với cạn dần dần.

Ấy bởi sự giống-ruồi (thời đi) đâu biết cơ trời?

Mà bỗng không lại hóa ra người vị vong (người đàn-bà góa chông) (53).

CHÚ-THÍCH. — (1) *Nguyệt-lão* 月老 ông già dưới trăng. (Xem chú-thích số 7 trang 46).

(2) *Cung-phi* 宮妃 là một chức thứ hai, dưới chức Hoàng-hậu vợ chính của vua, trong cung có nhiều chức: Hoàng-hậu, Phi, Tân, Tiếp-dự, Tài-nhân, Mỹ-nhân «Cung-nữ v. v. . . 皇后, 妃, 嬪, 婕妤, 才人, 美人, 宮女.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(3) « *Bóng dương* » là bóng mặt trời, nghĩa bóng là Vua.

(4) *Đồ-my* hoặc viết 蝶聯 là một thứ hoa leo giàn, có hoa như hoa lài kép, lá có nhiều chia và gai, như lá hoa Trường-vi. Hoa sắc trắng pha vàng nhạt như sắc rượu Đồ-my 蝶聯 nên cũng viết Đồ-my là tên rượu Đồ-my; đây dùng ví với dung-mạo cung phi (Quần-phương-phò chép).

(5) « *Thuộc-dược* 芍藥 » giống Mẫu-dơn mà ít cạnh. Có tên riêng là hoa tướng 花相 : Tề-trướng của loài hoa. Câu 137 chữ « Liều » nguyên chữ nôm chép sai. Hai chữ Khoa 科 và Liệu 料 giống nhau, đã chép là Liệu rồi lại đọc sai là « Liều », vậy nên đính-chính, đọc là Khoa 科 nghĩa là một cành. Ví-dụ : Thảo mộc nhất khoa 草木一科 là một cành cây, cành cỏ.

(6) « *Thụy-vũ* » (Vô) 瑞雨 là cơn mưa ứng với điềm lành, ví-dụ : ngày mồng một Tết có trộ mưa, là mưa ứng điềm lành được mùa. Đây dùng Thụy-vũ là ân vua như mưa móc ứng điềm lành.

(7) « *Hải-dương* 海棠 » cây này có nhiều tên : Tây Phủ 西府, Thùy Ty 垂絲, Niêm Ngạnh 粘梗, có hoa màu cung phấn đỏ nhạt, hoa đẹp, đẹp như hoa Hồng-hạnh. Sơn-trà, thường ví con gái đẹp. Ta có hoa Hải-dương nhưng không phải thứ kẻ trên.

« Đóa Hải-dương thức ngủ xuân-tiêu », câu này dùng điển Dương quý-phi say nằm ngủ, vua Minh Hoàng gọi mấy lần không dậy, bèn nói : Hải-dương thụy vị tặc gia ? 海棠睡未足耶 : hoa Hải-dương ngủ chưa đủ sao ? Ý yêu lắm và ví đẹp như hoa Hải-dương.

(8) « *Xuân-tiêu* », đêm xuân, Đường Thi : Xuân-tiêu nhất khắc trị thiên kim 春宵一刻值千金 : một khắc đêm xuân xứng nghìn vàng.

(9) « *Xiêm-nghe* 寤 » bởi chữ Nghe-thường 寤寐.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

áo xiêm dệt bằng lông ngũ-sắc để múa. (Xem chú-thích số 18 trang 32)

(11) « *Vũ-y* 羽衣 », áo bằng lông chim. (Xem chú-thích số 3 trang 23)

(11) « *Điện-tố* 蘇 », nơi vua Phù Sai nước Ngô làm cho Tây Thi ở.

(12) « *Đệm hồng-thúy* » (túy) là nệm thêu bằng lông chim Phi-túy sắc xanh, đỏ.

(13) « *Xạ* 麝 », thứ hương lấy ở đái con xạ. Xạ như con hươu có hai cánh nanh dài, người săn nó nghe mùi thơm ngoài mười ngàn dặm. Xưa dùng hương ấy ướp áo, nệm, mền và làm thuốc.

(14) « *Bội-hoàn* 佩環 » là các thứ ngọc chạm hình vẽ lăm thức của đàn-bà sang quý đeo hai bên hạ-thè, khi bước nghe kêu leng-keng thêm vẻ đẹp.

(15) « *Mây-mưa* » bởi chữ Vân-vũ 雲雨 (Xem chú-thích số 4 trang 29).

(16) « *Đình trầm-hương* 沉香 », nhà lục-giác bằng gỗ thơm trầm-hương của vua Minh-hoàng cùng ngồi thưởng hoa Mẫu-đơn cùng Dương quý-phi tại vườn Thượng-uyên trong đêm xuân. Mẫu-đơn 牡丹, là một thứ hoa đẹp hơn các loài hoa, gọi là hoa-vương, vua các hoa. Ngày xưa gọi Mộc-thước-dược 木芍藥: Hoa có nhiều cạnh giống hoa Tường-vi (Hường), có nhiều màu vàng, tím, trắng, đỏ, chính-sắc và gián-sắc, lá có năm chia, cây cao năm sáu thước. Xuân nở hoa đến đầu hạ. Có tên riêng là Phú-quí-hoa vì có vẻ sắc-sở sang-giàu, lại có tên Diêu-hoàng, Ngụy-tử 魏黃, 魏紫: vàng họ Diêu, tím họ Ngụy. Vì hai họ ấy đã tìm được hoa ấy màu vàng, tím đẹp hơn cả.

(17) « *Thủy-dịch* 翠掖 », là nơi cung-thự ở hai bên cửa vào Đại-nội. Cung-thự ấy sơn màu túy (xanh biếc) hoặc gọi cấm-dịch 禁掖.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(18) « *Đơn-tri* 丹墀 », nơi thêm sơn màu đỏ, là nơi diện-dài, chốn cung-cấm thường sơn đỏ. — Chữ thúy-dịch đối với đơn-tri.

(19) « *Mày ngài* », bởi chữ Nga-my 娥眉. Nga là con bướm-ngài do con tằm hóa ra, có đôi mày cong và đẹp. nên mày con-gái đẹp thường vẽ như mày con ngài, gọi mày ngài.

(20) « *Mặt rồng* » bởi chữ Long-nhan 龍顏, chữ ví diện-mạo vua, vì vua thường ví với con rồng là một vật rất linh, đứng đầu tứ-linh 四靈 : long, lân, qui, phụng 龍, 麟, 龜, 鳳.

Vua Hán Cao-tò có lời ví diện-mạo : Long-chuân, Long-nhan 龍準, 龍顏, mũi rồng, mặt rồng.

(21) « *Mặt trời gang tấc* » bởi chữ Chi-nhan 呎顏. Tả Truyện 左傳 : « Thiên oai bất vi nhan chi xích 天威不遠顔呎尺 » : oai trời không xa trái nơi gang tấc. Ấy nói oai vua chỉ ở gần kẻ bầy tôi. Đây dùng ý nói đối với vua rất gần.

(22) « *Chữ xuân riêng* », Kinh Thi, thiên Thiệu-nam : « Hữu nữ hoài xuân, cát sĩ dụ chi 有女懷春. 吉士誘之 » : Có gái nhớ tình xuân, kẻ trai tài dỗ-dành đó. Về sau trai gái có tình yêu-mến nhau gọi là « xuân riêng ». Phàm con-gái đến 17, 18 tuổi biết tình yêu con-trai gọi là « xuân-ý 春意 ». « xuân-tình 春情 », « hoài-xuân 懷春 », « tư-xuân 思春 ».

(23) « *Hương-lửa* » bởi chữ hương-hỏa 香火. Ngày xưa mỗi khi trai gái thề-nguyên sự nhân-duyên phối-ngẫu, thường dùng hương-lửa cúng vái qui-thần mà thề-nguyên. nên nhân-duyên cúng gọi hương-lửa.

(24) « *Xe dê* » bởi chữ Dương-xa 羊車. Tấn-thư 晉書 chép : vua Vô-đế có lăm cung-nhân, mỗi khi muốn đến với cung-nhân nào vua ngồi trên xe nhỏ khảm châu-ngọc có

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

con dê kéo, dê tùy ý dê muốn vào cung-diện nào ; cho nên những cung-nhân thường lấy nước muối, rắc ở cửa viện, con dê ưa ăn vị ấy nó vào.

Đây dùng lá dâu, có lẽ vì vận trên phải ép mà dê chú « dâu », chính lá « tre » mới đúng.

(25) « *Áp mạn ôm đào* », cây đào, cây mạn thường ở chung một bồn, ý nói vợ chồng yêu-mến.— « *Gác nguyệt* » là nơi lầu các đêm trăng.

(26) « *Cười sương cợt tuyết* », nghĩa bóng, chơi đùa với nhau khi đêm đông lạnh-lẽo, nơi nệm thúy chần loan. — « *Phong* », là một thứ cây giống cây bàng, mùa thu lá đỏ rất đẹp, thường trồng nơi cung-diện, gọi là « *đèn phong* », « *sân phong* », « *bệ phong* », nghĩa giống nhau.

(27) « *Đóa lê* », là hoa lê, sắc trắng như hoa mai, có vẻ đẹp như người gái thơ : Lê hoa nhất chi xuân đái vũ 梨花一枝春帶雨 : một cành lê dầm mưa xuân ; tả vẻ đẹp Dương quý-phi. Thơ Bạch cư Di ở bài Trường-hận ca.

(28) « *Cửu trùng* 九重 » : chín tầng, là nơi vua ở. Sở-Từ 楚辭 : « *Quân môn hề cửu-trùng* 君門兮九重 » : cửa vua ở chín tầng. Lại có gọi là Tôn động thiên 宗動天 nơi trời tôn-kính sự dụng-chạm, là nơi tầng trời yên-lặng thứ chín, Trời ở.

(29) « *Tuy mây diềm nhạc, nhưng lòng vẫn liễu* », bởi câu thơ Trương Hựu vịnh bà Quốc-quốc phu-nhân 虢國夫人 là em thứ ba của Dương quý-phi, có nhan-sắc thiên-nhiên, không dùng son phấn, khi vào chầu vua chỉ vẽ một nét mực nhạt ở đôi mày mà được vua yêu-chuộng. « *Khước hiềm chi phấn ô nhan-sắc, đạm tảo nga my triều chí tôn* 却慙脂粉污顏色,淡掃娥眉朝至尊 : vì sợ phấn-son làm nhơ nhan-sắc, chỉ vẽ sơ đôi mày vào chầu đấng Chí-tôn (Vua).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(30) « *Vưu vật* 尤物 », nghĩa là vật hiếm có và lạ. (Tả Truyện 左傳) « Phù hữu vưu vật, tức dĩ di nhân » : Ở có vật hiếm lạ đủ làm cho người phải đổi lòng : ý nói gái đẹp. Đây dùng vưu vật là gái đẹp.

(31) « *Trên tay* », bởi chữ Chương-thượng-trân 掌上珍 : vật báu nâng-niu trên tay. « *Chàng chút trên tay* », là không chút chi nâng-niu.

(32) « *Nước kia muốn đồ, thành này muốn long* », ý nói vì sắc đẹp làm nên thành long nước đồ. (Xem chú thích số 3 trang 29).

(33) « *Khúc trùng Thanh-dạ* ». Trùng 重 lần thứ hai. Thanh-dạ du 清夜遊 là chơi trong đêm thanh. Tên một bài hát của Tùy Dương-đế 隨煬帝 đặt ra đề hát chơi cùng các cung-nhân dạo trong vườn Tây-uyên 西苑, nay đem hát lại. (Trùng là hai lần).

(34) « *Đình-hoa* » tên một bài hát : Hậu đình-hoa 後庭花 hay là Ngọc thụ hậu đình hoa 玉樹後庭花 của vua Trần Hậu-chúa 陳後主 đặt cho các cung-nữ có văn-học hát chơi ở gác Lâm-xuân 臨春 làm bằng gỗ trầm-hương — « *Điệu ngã Đình-hoa* » là say-dắm khúc ca.

(35) « *Thừa ân* 承恩 » là sự được vua ban ân-huộ. Giấc thừa ân là giấc chiêm-bao được yên.

(36) « *Vẻ ngọc nét son* » là sự chẵn chung gối chạ của nhà vua.

(37) « *Chi tôn* 至尊 » là đấng rất bậc tôn-quí — chỉ nhà Vua.

(38) « *Một tràng mộng xuân* », bởi chữ « *Nhất tràng xuân mộng* 一場春夢 » bởi điển Tô Thức 蘇軾 (Tô đông Pha 蘇東坡) khi về hưu dạo chơi nơi đồng ruộng, gặp mẹ già đi bới rơm, hỏi rằng : « *Ngài có phải đã từng làm chức Nội Hàn* 兩輪 được vinh-quí, nay còn có chút

CUNG OẢN NGÂM KHÚC

nào ở cõi mộng xuân ấy không ? » Ý nói sự vinh-quí chóng hết như một giấc mộng ngắn-ngủ đêm xuân vậy. Vì sự vinh-hoa hư-huyễn của người đời. Từ đó chữ xuân-mộng-bà 春夢婆 là bà mộng xuân.

(39) « *Mày liễu* » nét vẽ mày dài và nhọn vót như hình lá liễu. Chữ gọi là Liễu-my 柳眉

(40) « *Gót sen* », gót giày đàn-bà sang-quí, bởi điển Đông hôn Hầu 東昏侯 có vợ là Phan Phi 潘妃, có dáng đi rất dịu-dàng, ông bèn làm hoa sen vàng khảm vào nền điện cho bà đi. Ông ngẫm-nghĩa mà khen rằng : « Bước bước nảy hoa sen ». (Bộ bộ sinh liên hoa 步步生蓮花). Dùng chữ : Bước sen — Gót sen — Hài sen — Vẽ sen là tiếng ta và Liên-hộ 蓮步, Liên câu 蓮鈎 thảy là một nghĩa chân đàn-bà đẹp bước.

(41) *Lan* 蘭 có lắm tên : Bạch-ngọc — Nhất-diêm-hồng — Tứ-cán — Tứ-thời — Túy-ông 白玉, 一點紅, 紫葳, 四辰, 醉翁 và Phong-lan 風蘭 là một loài cây có lá dài hoa thơm ở núi thâm-sơn, hoặc bám vào gốc cây và lên đá mà tươi tốt. Có hoa đẹp hương thơm, người văn-nhân liệt lan vào hạng cây sang-quí, ví với quân-vương, hoặc bạn-bè văn-chương hiền-nhân quân-tử.

(42) « *Mùi hương Vương-giả* 王者 » tức hương lan. Bởi điển ở sách Khổng Tử Gia-ngữ 孔子家語. Đức Khổng Tử tự nước Vệ 衛 về nước Lỗ 魯 thấy nơi núi sâu hang rậm có nhiều hoa lan, bèn than rằng : Lan vị vương-giả hương, kim nãi dữ chúng thảo ngũ ? 蘭為王者香, 今乃與草伍 : Lan có mùi thơm kẻ quân-vương (hơn cả các hương khác) nay lại khiến lẫn với các loài cỏ ? Ý ngài tự ví mình phải rùi-ro không gặp vận tốt ; bèn đặt ra khúc hát Y-lan 漪蘭 vừa đàn vừa hát theo.

Đây dùng ý cung-phi tự thương-hại mình không có thời-vận.

CUNG OÁN NGÂM KHỐC

(43) « *Cân-trát* 中栞 » là cái khăn lược, công việc đàn-bà xem sóc chồng. (Tà Truyện) Lời bà Định Khương 定姜 nói: Dư dĩ cân trát sự tiên quân 余以中栞事先君: Ta từng cầm cái khăn cái lược mà hầu-hạ đấng tiên-quân (vua trước) ý nói làm việc hầu-hạ chồng. (Cân là cái khăn lau mặt, hoặc cái máo đội trên đầu).

(44) « *Đặt cái khăn* », bởi chữ « thiết-tuế 設悅 ». Kinh Lễ chép: Khi sinh con gái, thì đặt cái khăn bên hữu cửa phòng để đề tỏ ra việc khăn lược là việc con gái.

(45) « *Tắc-ơ* » là tiếng chắc-lười lắc đầu có ý chán-nản.

(46) « *Tỷ-dực* 比翼 » là chấp cánh. Sách Nhĩ Nhã 爾雅 chép: ở phương nam có chim chấp cánh mỗi con chỉ có một cánh, khi bay phải chấp nhau, hai con mới bay được. Sự ấy người sau đem ví vợ-chồng. (Trường-hận ca): Thơ Bạch cư Dị thuật lời thề của Đường Minh-hoàng cùng Dương Quý-phi, trong đêm thất-tịch, mồng bảy tháng bảy tại điện Trường-sinh rằng: « Tại thiên nguyên tắc tỷ-dực điều tại địa nguyên vi liên lý chi, 在天願作比翼為, 在地願為連理枝: Nếu sinh ở trên đời đời ta sẽ nguyên làm chim chấp cánh, ở đất nguyên làm cây liền cành. Ý nguyên không hề rời nhau ra.

(47) « *Đồ liên chi* » tức chữ liên lý chi là cây liền cành nói ở trên.

(48) « *Chữ đồng* », bởi chữ Đồng-tâm 同心 cùng nhau một lòng (vợ chồng).

(49) « *Thất-tịch* » 七夕 » đêm mồng bảy tháng bảy. Sách Tục Tề Hải Chí 續齊諧志 chép ở phía đông sông Thiên-hà có cháu gái trời là Chức Nữ 織女 chăm lo việc nữ-công lằm; trời yêu sự siêng-năng bèn gả cho Khiên ngư Lang 牽牛郎; sau khi có chồng lại làm biếng-nhác theo dệt, bị trời phạt bắt phải chi-lìa nhau, mỗi năm chỉ được họp một

CUNG OÁN NGÂM KHỐC

một lần ở bến sông Thiên-hà đêm mùng bảy tháng bảy ; ấy là sự hoang-dường, vì hai sao Khiên-Ngưu Chức-Nữ đêm ấy vừa độ đi gặp nhau ở giới-hạn sông Thiên-hà (Ngân-hà). Điền ấy về sau dùng làm sự phân-ly của vợ chồng.

(50) « *Hạt mưa đã lọt miền đài-các* » bởi câu ca-đạo ta ví thân-phận người đời « Thân em như hạt mưa sa, hạt vào đài-các hạt ra áo bèo ».

(51) « *Cá nước* », bởi chữ ngư-thủy 魚水 có nhiều nghĩa : Vua tôi tin-cậy, vợ chồng hòa-mục. Đời Tam Quốc Lưu Bị cùng Khổng Minh Gia cát Lượng rất thân-mật. Các ông Quan Công, Trương Phi không bằng lòng. Lưu Bị nói : Ta có Khổng Minh như cá gặp nước, các người chó nên giận phiền.

Kinh Thi : « Hạo-hạo giả thủy, dục-dục giả ngư 浩浩者水, 嘗育者魚 : Mệnh-mông kia là nước, nhơn-nhờ kia là cá. Ý ví vợ chồng hòa mục.

(52) « *Nhúng tay thùng chàm* », là lời ngạn-ngữ ta ví chuyện gì đã trót lỡ làm nên như đã nhúng tay vào thùng chàm xanh, thì không thán-oán nữa.

(53) « *Vị-vong* » 未亡 là chưa chết, lời tự xưng của người đàn-bà là vị-vong nhân 未亡人 người chưa chết, ý nói phận đàn-bà buộc phải theo chồng. Chồng chết phải chết theo, nếu còn sống là người đáng chết mà chưa chết vậy.

Cung-phi tự xưng như thế là ví mình tuy có chồng mà cũng như chồng chết vậy.

V

197 — Đuốc vương-giả 王者 chí công 至公 là thế
Chẳng soi cho đến khoé âm-nhai 陰涯 (1) !

Muôn hồng nghìn tia đua tươi (2),

Chúa xuân nhìn hái một hai bóng gấm (3).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

- 201 — Vốn đã biết cái thân câu trổ (4)
Cá no mồi cũng khó nhử lên,
Ngán thay cái éz ba nghìn (5),
Một cây Cù-mộc 椶木 biết chen cành nào (6)?
- 205 — Song đã cậy má đào chon-chốt,
Hắn duyên tươi phận tốt hơn người
Nào hay con tạo trên người,
Hang sâu chút hé mặt trời lại giấm 𣎵 (7)!
- 209 — Trong cung quế âm-thầm chiếc bóng (8)
Đêm năm canh trông-ngóng lẫn lẫn,
Khoảnh làm chi, bấy chúa xuân (9) !
Chơi hoa cho rữa nụy dẫn lại thôi (10) !
- 213 — Lầu đài nguyệt 待月 đứng ngồi dạ-vũ 夜雨
Gác thừa - lương 乘凉 thức ngủ thu-
phong 秋風,
Phòng tiêu 房椒 lạnh ngắt như đồng (11)
Gương loan 鸞 bẻ nửa, giải đồng 同 xẻ đôi,
(12-13).
- 217 — Chiều ủ-dột giặc mai trưa sớm (14),
Về bang-khuâng hồn bướm vẫn-vơ (15)
Thâm-khuê 深閨 vắng-ngắt như tờ,
Cửa châu gió lọt, rèm ngà sương gieo.
- 221 — Ngán 痕 phượng-liễn 鳳 筆 chòm râu lổ-
chỗ (16),
Dấu dương-xa 羊車 đám cỏ quanh-co (17)
Lầu Tần 秦 chiều nhạt về thu (18),
Gối loan 鸞 tuyết đóng, chần cù 麩 giá
đồng (19-20).
- 225 — Ngày sáu khắc tin mong nhận vắng (21),
Đêm năm canh tiếng lảng chuông rền
Lạnh-lùng thay, giặc cô-miên

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Mũi hương tịch-mịch 冥冥 bóng đèn thâm

u 深幽.

229 — Tranh biếng ngâm trong đồ Tô-nữ 圖素

女 (22),

Mặt buồn trông trên cửa Nghiêm-lâu

嚴樓 (23).

Một mình đứng tủi, ngồi sầu,

Dã than với nguyệt, lại rầu với hoa !

233 — Buồn mọi nỗi lòng đã khắc-khoái *,

Ngán trăm chiều bước lại ngần-ngơ

Hoa này bướm nở thờ-ơ !

Đề gãy bóng thắm, đề xơ nhụy vàng.

237 — Đêm năm canh lần nường vách quế, (24)

Cái buồn này ai dễ giết nhau ?

Giết nhau chẳng cái Lưu-cầu 琉球, (25)

Giết nhau bằng cái ưu-sầu 幽愁, độc chưa ?

241 — Tay Nguyệt-lão 月老 chẳng xe thì chớ, (26)

Xe thẽ này có dờ-dang không ?

Dang tay muốn dứt tơ-hồng,

Bực mình muốn đập tiếu-phòng 房樞 mà

ra (27).

LƯỢC-TỰ (Đoạn V). — Đoạn này nối lời cung-phi than thân-phận ở đoạn IV, bị mất sự sủng-hạnh của vua, chẳng khác nào một gái góa chông lại oán sao vua là chỉ công mà không lòng yêu công-cộng, khiến sinh ra lắm nỗi bực-phiền, muốn bỏ nơi cung-cấm mà ra.

(Đoạn V này về phần câu «Trạng» như đã kể trên).

GIẢI-NGHĨA. — (Đoạn V, từ câu 197 đến 244).

Cung-phi than rằng: Đuốc của quân-vương vốn công-bằng. (Đuốc là lượng cao-minh xem-xét của đấng quân-vương)

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Sao chẳng soi cho đến chốn Âm-nhai (gành sâu hầm tối-tăm), ý nói thân-phận cung-phi. (1).

Cung-nhân nhiều biết bao, chẳng khác những đóa hoa kia trăm hồng nghìn tia đua tươi giữa vườn xuân (2)

Mà chúa xuân sao không xem thường cho khắp cùng ? Lại chỉ nhìn và hái một hai bông gần ? (ý nói có đôi ba nghìn cung-nhân mà chỉ yêu-đương có vài người thôi ?) (3).

Tự nghĩ thân-phận mình như người đi câu trổ (câu ghé ở nơi người ta đang câu) (4).

Thì con cá đã ăn no mỗi, ắt khó nhử nó cho lên (ví trong cung có nhiều cung-nữ).

Thực ngao-ngạn thay, có khác nào cái én (chim én) ba nghìn, ví số đông của cung-nhân (5).

Một cây cù-mộc mà nhiều con én thì biết chen đậu cành nào ? (ý nói chỉ một ông vua, mà có 3000 cung-nữ). (6)

Tuy nhiên, ta đã cậy có nhan-sắc tươi-tốt như hoa đào chon-chót đỏ

Thì hẳn duyên tươi phận tốt hơn người.

Nào hai con tạo (trời) lại trêu-gheo người ta ?

Đem bóng mặt trời rọi vào hàng sâu, chỉ hè bóng một hồi lại thôi vậy (ý nói vua chỉ yêu-đương vài hồi thôi). (7)

Vua đã không yêu đến, vò-vỡ một mình nơi cung quế, âm-thầm bạn cùng chiếc bóng (8).

Suốt năm canh trông-ngóng vua, lần lần canh nọ đến canh kia.

Nào có thấy quân-vương đâu ? Đã nên khoảnh thay chúa xuân (vua) sao chơi hoa cho rã nhụy lần rồi dần dần lại thôi (9-10).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Mặc dầu không được gần vua, nhưng ta vẫn đợi-chờ tại nơi lầu Đãi-nguyệt, biết bao phen hết đứng lại ngồi, trông-chờ đêm mưa lạnh-lẽo ?

Và biết bao phen ở nơi gác Thừa-lương (hóng mát) và khi thức không ngủ trong gió thu phong.

Nơi phòng tiêu tuy ấm, nhưng vì lẻ-loi, nên ta lạnh ngắt như đồng (11).

Đã nên đơn-chiếc thay « gương loan bẻ nửa, giải đồng xẻ đôi » (12-13).

Xiết bao chiều ủ-dột : những khi giãc mai trưa sớm (14).

Xiết bao vẻ băng-khuáng hồn bướm vẩn-vơ (15)

Nơi phòng sáu (thâm-khuê) lạnh ngắt như tờ

Mặc kệ nơi cửa châu gió lọt không buồn khép, nơi rèm ngà tha-hồ cho sương gieo. (Biếng thả rèm đóng cửa, để tha-hồ gió lọt sương gieo).

Đôi khi ta nhìn lại nơi dấu liễn-phượng vua đến khi trước, chỉ còn những ngấn chòm râu mọc lở-chổ (16).

Lại nhìn nơi dấu xe dê đi thừa trước còn lưu đám cỏ quanh-co, chớ còn có gì đâu (17)

Nơi đàn-ca xướng hát (lầu Tàu) thì chỉ còn vẻ chiều nhạt, vẻ xơ-xác ngày mùa thu (18).

Lạnh-lẽo thay ! nơi gối loan đề tuyết đóng, nơi chần cù giá đông (chăn gối không dùng đề giá đông tuyết đóng) (19-20).

Ngày những mong tin, tin lương vắng (21).

Suốt canh khuya chỉ xa xa nghe tiếng chuông rền.

Lạnh-lùng thay giãc ngủ một mình (cô-miên)

Chỉ có mùi hương thơm nơi vắng-vẻ, và bóng đèn tàn nơi chốn thâm-u.

Đối với tình-cảnh cô-đơn như thế, thì còn có

thú gì mà ngậm bức tranh tở-nữ (22).

Chỉ bắt mặt buồn trông nơi cửa Nghiêm-lâu (23).

Một mình khi đứng tủi, khi ngồi sầu

Đã than với nguyệt, lại rầu với hoa ! (Thấy
trăng sáng hoa tươi lại gấm phận mình lẻ chéch).

Tấm lòng buồn mọi nỗi, xót xa khắc-khoái.

Mà bước chân nên ngưng-ngần trăm chiều.

Đáng trách lắm thay ! Sao con bướm kia nở
thờ-ơ ?

Đề hoa gầy vẻ thắm, đề hoa thừa nhụy vàng ?
(Hai câu 235-236, nghĩa bóng trách vua và hồ thân-
phận cung-phi).

Suốt đêm năm canh lẫn hời nương-tựa bên
vách quế (23).

Thật cái buồn này ai dễ giết nhau.

Có giết nhau thì giết bằng cái dao Lưu-câu (25).

Sao lại giết nhau bằng cái u-sầu, nên độc-địa
lắm thay !

Xưa kia đã trách Nguyệt-lão sao khờ, nay lại
trách Nguyệt-lão đã xe dây thì xe cho sẵn, mà
không xe thì thôi (26).

Chữ xe như thế này có dở-dang không ?

Khiến cho ta đang tay ta muốn dứt sợi tơ-hồng.

Và bức mình ta muốn đập toang cái cửa tiêu-
phòng mà ra vậy (27).

CHỮ-THÍCH. — (1) « Âm-nhai 陰涯 ; Âm là im,
nhai là nơi gành sâu bờ hãm. (Nghĩa bóng, thân-phận cung-
nhân bị cảnh lẻ-loi). Tập-truyện Kinh Thư có câu : « Thái-
dương tuy vô-tư, kỳ chiếu âm-nhai hàn-cốc giả độc hậu 太陽
雖無私, 其照陰涯寒谷者獨後 » : Bóng mặt trời
tuy không thiên-vị, mà soi đến nơi gành sâu hang thẳm về sau
cuối-cùng.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(2) « *Muôn hồng nghìn tía* », hoa có lắm màu sắc. Đường Thi: « Vạn tử thiên hồng tòng thị xuân 萬紫千紅總是春 »: Muôn hồng nghìn tía thảy là xuân vậy.

(3) « *Chúa xuân* » bởi chữ Đông-quân 東君, tên một vị thần mặt trời ra từ phương Đông, và riêng thống-trị mùa xuân (Chữ ở bài Cửu-ca 九歌 Sở Từ 楚辭).

« Đông-quân », « đông-hoàng 皇 », « chúa xuân » đều một nghĩa.

(4) « *Câu trõ* » là câu cá ở nơi có nhiều người câu, mình câu kẻ.

(5) « *Cái én* », tức con chim én, nghĩa bóng là cung-nữ. Ở bài « Tần cung-nữ oán Bái-công văn » của Đặng Trần Thường có câu: « Cái én tam thiên ngọc-ngân đó: ví với ba nghìn cung-nữ ở cung Tần ».

(6) « *Củ mộc* 椶木 », là cây cao mà cong, chữ ấy ở thiên Củ-mộc trong Kinh Thi: « Nam hữu củ-mộc, cát-lũy lỵ-chi 南有椶木, 葛藟累之 »: Phương nam có cây cong, dây sắn dây bìm leo đi. Ví các tỳ-thiếp, hầu mọn cấm đức bà Hậu-phi, vợ vua Văn-vương, không ghen-tuông, bọn ấy được yên phận, nên ví cây sắn cây bìm nương-tựa củ-mộc. Đây dùng nghĩa bóng, lối thoát-thai, ví vua là cây củ-mộc, cung-nữ là cái én.

(7) « *Giảm* », là đám mây đen che im bóng mặt trời. Ví nghĩa bóng như cung-nữ được yêu-đương một hồi lại thôi. (Hàng sâu chút hé mặt trời lại giảm).

(8) « *Cung quế* » nơi cung-phi ở, (Xem chú-thích số 1 trang 22).

(9) « *Chúa xuân* » (Xem chú-thích số 3 ở trên).

(10) « *Rũ* », là rã-rời. « Chơi hoa cho rũ nhụy hoa », là cho rã-rời nhụy.

(11) « *Phòng tiêu* 房樛 » bởi chữ tiêu-phòng (Xem chú-thích số 4 trang 23).

(12) « *Gương loan* », có làm nghĩa : 1. Cái gương soi mặt, chạm hình chim loan ở phía sau lưng, hoặc cái giá gương chạm hình chim loan. — 2. Diệm Tân Dương nuôi chim loan đã ba năm, nó không kêu. Phu-nhân (vợ) nghe nói cho nó soi gương nó sẽ kêu. Quả-nhiên loan soi gương thấy bóng nhớ loài, kêu suốt đêm thì chết. — Phú-ông Vương Bột 王勃 có câu rằng : « Nguyệt khai loan kính, hoài tinh giám dĩ phân hình 月開鸞鏡,懷精鑑以分形 : gương mở kính loan, soi bóng tinh-tường mà lẻ phân hình-dạng.

Đây dùng gương loan bẻ nửa, là ý lẻ-loi, không có đôi-bạn, chông, tức vua, nên trông-tượng như mảnh gương loan bẻ một phần nửa.

(13) « *Giải đồng* » bởi chữ Đồng-tâm đái 同心帶 hoặc Đồng-tâm kết 結 là một giải thắt lưng có hai mối thắt lại giữa rốn, bằng gấm thêu, vật ấy xưa vua Tùy Dương-đế đã tự niêm-phong gởi cho bà phu-nhân được Đế yêu. Đồng-tâm kết, nghĩa là mối buộc đồng lòng.

(14) « *Giấc mai* ». Giấc ngủ cung-phi, ví cốt-cách đẹp như cây mai, thì gọi giấc ngủ là giấc mai. Cũng có điển Triệu sư Hùng 趙師雄 đến quán rượu bên chân núi La-phù 羅浮, uống rượu say nằm ngủ dưới gốc mai. Chiêm-bao thấy có người gái đẹp đến trò-chuyện, khi tỉnh mới biết là giấc mộng, cũng gọi giấc mai.

(15) « *Hồn bướm* », tức hồn trong giấc mộng, bởi điển ông Trang Chu 莊周 nói khi thức là mình ông, khi ngủ ông hóa ra con bướm, nên gọi giấc bướm — Hoặc giấc Trang — Giấc Điệp — Bướm Trang — Giấc hồ đồng một nghĩa.

(16) « *Phượng-liễn* 鳳輦 » là cái kiệu, cái xe chạm hình chim phượng của vua ngự.

(17) « *Dương xa* 羊車 » là xe con dê kéo (xem chú-thích 24, trang 61).

(18) « *Lầu Tần chiêu nhật về thu* », là những nơi

phong-lưu diễm-dã, nay có chiều phai-nhật như về tiêu-diêu mùa thu.

Lầu Tần quán Sở, là chữ thành-ngữ của cảnh phong-lưu sung sướng. Thơ người đời Tống chơi xú Bạch-hạ về, có câu : Lai-vãng không lao Bạch-hạ thuyền, Tần lâu Sở quán tông mang nhiên. Duy dư nhất quyển tân thi thảo, thánh vũ giang-hồ thập-nhiên 來往空勞白上船, 秦樓雙館總忙然, 惟餘一卷新詩草, 聽雨江湖十二年. Nghĩa : đi đi lại lại luống nhọc con thuyền ở xứ Bạch-hạ, và những cảnh lầu Tần quán Sở phong-lưu diễm-dã thấy quên man-mác cả ; chỉ còn lại một tập thơ mới làm và một kỷ-niệm bên tai là mười-hai năm nghe mưa ở nơi giang-hồ. Ý nói sự hào-dật phong-lưu đều quên cả, chỉ còn tâm-huyết là tập thơ mới làm và tinh-thần là khi yên-tĩnh nghe mưa ban đêm đã mười-hai năm qua đó thôi.

(19) « Gối loan » là gối thêu hình chim loan, ý dùng nói nhớ lứa đôi.

(20) « Chấn cù » là cái chấn bằng lông cù, lông ấm (chiên).

(21) « Nhạn » là con chim ngỗng trời, con mái là nhạn雁, con trống là hồng鴻, nhưng dùng nhạn là tiếng chung. « Mong nhạn vắng » là mong tin-tức vắng không thấy. Điền Tô Vô 蘇武 đi sứ rợ Hung-nô 匈奴 nói lảm điều làm cho rợ ấy bất bình, bắt ở lại chẵn dê, không cho về với nhà Hán, mãi đến khi Hung-nô hòa với Hán, Hán hỏi Tô Vô, thì rợ ấy nói chết rồi. Mưu-thần là Thường Huệ 常惠 dẫn sứ qua nói với Hung-nô rằng Tô Vô đi chẵn dê có bắt được con chim nhạn, xé áo lụa, viết thư buộc vào chân thả nhạn bay về, vua Hán đi bắn được nhạn, biết ông hãy còn sống. Hung-nô tưởng chnyện bắn nhạn có thật, sợ, bèn cho Tô Vô về Hán. Về sau dùng điển ấy ví tin-tức.

(22) « Tố-nữ 素女 » nghĩa : đây dùng đồ Tố-nữ là bức tranh vẽ hình Tố-nữ. Tố-nữ đây là chuyện nghệ-thuật

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

riêng nơi khuê phòng, làm cho chông yêu khi chung-chạ gối-chăn. (Sách Tùy-thư kinh Tịch-chí 隋書經籍志 chép). Đây dùng ý nói vua không yêu, không gối-chăn chung-chạ, nên biếng-nhác không muốn ngắm tranh Tố-nữ.

(23) « *Nghiêm-lâu* 嚴樓 » là nơi lầu tôn-nghiêm của vua ở, có vẻ rất tôn-nghiêm.

(24) « *Vách quế* », nơi cung-phi ở (Xem chú-thích số 1 trang 22).

(25) « *Lưu-cầu* » nước ở gần nước Nhật-bản, xứ ấy có thép tốt làm dao, gươm rất bén. Gươm dao bén gọi là Lưu-cầu.

(26) « *Nguyệt-lão* », ông tiên giữ sớ nhân-duyên. Xem chú-thích số 7 trang 46).

(27) « *Tiểu-phòng* », nơi cung-phi ở. (Xem chú-thích số 4 trang 23).

VI

- 245 — Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái,
Đóa hồng đào 紅桃 hái buổi còn xanh
Trên gác phượng 鳳, dưới lầu oanh 鶯,
Gối Du-tiên 遊仙 hãy rành rành, song
song. (1)
- 249 — Bây giờ đã ra lòng rẻ-rúng ★,
Đề thân này cổ ứng tơ mảnh,
Đông-quân sao khéo bất tình 不情, (2)
Cảnh hoa tàn nguyệt 殘月 bực mình hoài
xuân 懷春. (3)
- 253 — Nào lúc tựa lầu Tần hôm nọ, (4)
Cảnh liễu mảnh bẻ thừa đương tơ
Khi trướng ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân-y 春衣 hãy sờ sờ dấu phong
封. (5)
- 257 — Bây giờ đã ra lòng ruồng-rẫy ★,

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

- Đề thân này nước chảy hoa trôi! (6)
Hóa-công 化工 sao khéo trêu người? (7)
Bóng đèn tà-nguyệt 針月 như mùi ký-sinh
寄生.
- 261 — Cảnh hoa lạc nguyệt minh 花落月冥
dường ấy, (8)
Lửa hoàng-hôn 黄昏 như cháy tâm son (9)
Hoàng-hôn thôi lại hôn-hoàng,
Nguyệt-hoa thôi lại thêm buồn nguyệt-hoa!
- 265 — Buồn vì nổi nguyệt tà ai trọng?
Buồn vì điệu hoa rụng ai nhìn?
Tình buồn cảnh lại vô duyên 無緣,
Tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này.
- 269 — Khi trận gió lung-lay cành bích, (10)
Nghe rì-rào tiếng mách ngoài xa,
Mơ-hồ nghĩ tiếng xe ra,
Đốt phong hương-hả mà hơi áo tàn.
- 273 — Ai ngờ tiếng dế ran rì-rì,
Giọng bi thu 悲秋 gọi kẻ cô phòng 孤房
(11-12)
Vắng-tanh nào thấy vân-mông ★ (13)
Hơi thê-lương 凄凉 lạnh-ngắt song phi-
huỳnh 飛螢 (14 15)
- 277 — Khi bóng thỏ chênh-vênh trước róc, (16)
Nghe vang-lừng tiếng giục bên tai
Đề chừng nghĩ tiếng tiểu đòi, (17)
Nghiên bình phấn mốc, mà giới má rêu.
- 281 — Ai ngờ tiếng quỳên 鶯 kêu ra rả (18)
Điệu thương xuân 傷春 khóc ả sương-
khuê 嬌閨 (19-20)
Lạnh-lùng nào thấy ủ-ê,
Khí bi-thương 悲傷 sức nức, hè lạc hoa
落花.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

LƯỢC-TỰ (Đoạn VI).— Đoạn này cung-phi tưởng-tượng những lúc mới đưa vào cung được vua sủng-hạnh ; trải qua một thời-kỳ ấy, nào là những thú gì vui, những chuyện gì thích, khi bẻ đào khi hái liễu, khi trên gác phượng, khi xuống lầu oanh, mà nay bỗng-dưng đã hóa biến-cải khác cả rồi ; còn để lại lắm nỗi bi-thương thê-thảm. Bao nhiêu phong-cảnh búi-ngùi thật đáng bi-thương.

(Đoạn VI này về phần câu « Luận » như đã nói trên)

GIẢI-NGHĨA (Đoạn VI, từ câu 245 đến 284).

Cung-phi nhớ lại, khi mới vào cung năm ngoái, đi dạo cảnh vườn hoa.

Nào khi hái đóa hồng đào con đương non xanh

Nào khi lên xuống ra vào nơi gác phượng lầu oanh (toàn là tên lầu gác nơi cung-cấm).

Nào khi vui-chơi ở nơi ăn chốn ngủ cùng vua còn cái gối Du-liên song song còn để đó (1)

Thế mà ngày nay đã khác cả, vua đã ra tỉnh rày-rúng.

Đề cung-phi điều-linh như tơ mảnh cỏ úng.

Đáng nên than-van thay, sao Đông-quân (vua) nữ vô tình như vậy (2)

Đề thân cung-phi này như cảnh hoa dưới bóng trăng tàn thêm bụi mình vô hạn nỗi hoài xuân (3).

Lại sực nhớ : nào lúc nọ nơi lầu Tần (4)

Bẻ cành liễu non như sợi tơ mảnh (khi liễu còn tơ).

Lại những khi nơi trường ngọc, nơi rèm ngà, là nơi sang-quí ta thường châu-hầu vua, thi. . .

Thi mảnh áo xuân (áo châu) (5) còn sờ sờ cất đó y dấu niêm-phong.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Thế mà quân-vương nay đối với ta đã ra lòng
ruồng-rẫy không như ngày trước

Đề cho ta vô tình như làn nước chảy, cánh hoa
trôi (6).

Quân-vương kia (Đông-quân) sao khéo trêu
ngươi (7).

Sao nữ đề cho ta âm-thầm đem tấm thân sống
gửi, nương bóng đèn tàn trong lúc canh khuya.

Đối với cảnh hoa tàn trắng tối, (hoa lạc nguyệt
minh ấy) (8)

Mỗi khi hoàng-hôn (chạng-vạng) (9) lại thêm...

Thêm buồn, thêm nóng-nảy như lửa đốt tâm
can.

Hết hoàng-hôn, lại hôn-hoàng, hết nguyệt-hoa
lại hoa-nguyệt, đáng buồn-tênh thay !

Những nỗi buồn, buồn vì nỗi tuổi một năm
một lớn như bóng nguyệt lần tà còn ai trọng.

Như đóa hoa kia đã rụng có ai nhìn

Tình buồn mà cảnh lại vô duyên đã đành

Lại còn buồn hơn nữa là tình này bên cảnh kia :

Là những lúc nghe trận gió lung - lay cảnh
bích (10).

Gió lay cảnh bích ri-rào, tiếng nghe như ai
mách tin gì ở nơi xa

Ta mơ-hồ những tưởng tiếng xe vua ra.

Ta vội-vàng đem phong hương-hả hơ đã lâu
ngày ra đốt, đốt cho thơm và phơi cái áo tàn đề
có mùi thơm nhang xạ mà đón rước quân-vương.

Ai ngờ tiếng gió lẫn tiếng đế kêu ran ri-ri đem
thu, quanh tường đầy tiếng đế nghe vang

Đó là giọng con đế, chính là giọng bi thu
(thương phong vật tiêu-diêu mà thu) nó gọi người

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

cô-quạnh chốn cô phòng (11-12).

Chỉ có tiếng dế kêu nào có tiếng gì nữa, nào có tin gì hai mách, chỉ vắng-tênh nào có tin-tức vãn-mồng gì đâu ! (13)

Chỉ có hơi thu thê-lương lạnh-lẻo và đầy song (cửa sổ) những con đóm bay tờ-mờ (14-15)

Lại những lúc bóng trăng chênh bên nóc điện
Ta mừng-tượng nghe tiếng ai giục bên tai
Ta dè chừng đó là tiếng những tờ gái nhỏ gọi ta (17)

Ta tưởng vua đến với ta chẳng ?

Liền đem bình phấn đề lâu không dùng đã mốc-meo, nghiêng bình lấy phấn mà gởi cái má đã nhăn da.

Không phải tiếng tiều đòi, ai ngờ tiếng chim Đồ-quyên kêu ra-ra (18)

Tiếng quyên kêu chính là tiếng thương xuân (19) nó khóc cho kẻ sương-khue (dán-bà góa ở chốn phòng khue) (20)

Lạnh-lùng thay nào có ai đâu, xin thêm nỗi ủ-ê

Chỉ có khi bi thu đau đớn sức-nức bên hè, chỉ có mảnh hoa rơi . . .

CHÚ-THÍCH.— (1) « *Du-tiên* » là nơi cõi tiên. Gối du-tiên bởi chữ Du-tiên-châm 遊仙枕. Sách Khai-thiên di-sự 開天遺事 chép việc trong niên-hiệu Khai-thiên đời Đường rằng : « Nước Qui-tư có dâng vua một cái gối, sắc như ngọc Mã-nào, khi gối ngủ thì chiêm-bao chơi khắp các miền tiên, cõi tiên ». Vua Minh-hoàng đặt tên là Du-tiên-châm.

(2) « *Đông-quân* », nghĩa bóng là vua. (Xem chú-thích số 3 trang 72).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(3) « *Hoài xuân* 懷春 » là nhớ tình-xuân. (Xem chú-thích số 22 trang 61).

(4) « *Lâu Tân* », là nơi phong-lưu dư-dã. (Xem chú-thích số 18 trang 73).

(5) « *Xuân-y* 春衣 », là áo đẹp, hoặc áo châu triều của các quan và các Phi, Tân trong cung-cấm.

Thơ Đỗ Phủ : Triều hồi nhật nhật diêm xuân-y 朝回日日典春衣 : Mỗi ngày đi chầu về đem áo chầu đi thế (dễ mua rượu).

(6) « *Nước chảy hoa trôi* », bởi câu Đường thi : « Thủy lưu hoa tạ lưỡng vô tình 流水花謝兩無情 » : Nước trôi hoa rụng thây vô tình.

(7) « *Đông-quân* 東君 » (Xem chú-thích số 3 trang 72).

(8) « *Hoa lạc nguyệt minh* 花落月冥 ». Hoa rụng trăng mờ tối.

(9) « *Hoàng-hôn* 黃昏 ». Buổi gần tối — Chạng-vạng. Sách Hoài-nam-tử 淮南子 nói : Mặt trời lặn đến nơi Ngu-uyên 虞淵 là hoàng-hôn, đến nơi Mông-cốc 蒙谷 là định-hôn 定昏, tối.

(10) « *Cành bích* » : Cành cây ngô-dồng 梧桐. Chim phụng-hoàng thường đậu, ví vua. Thơ Đỗ Phủ : Bích ngô thê lão phụng-hoàng chi 碧梧棲老鳳凰枝 : Cành Ngô-lích là cành chim phụng đậu đã già rồi.

(11) « *Bi thu* 悲秋 » là sự thương phong-vật mùa thu có vẻ tiêu-diêu ở non sông cây cỏ, kẻ văn-sĩ thi-ông thường cảm-khái yêu-mến.

Thơ Đỗ Phủ : Vạn-lý bi thu thường tách khách 萬里悲秋常作客 : Thương mùa thu thường làm khách xa muôn dặm.

(12) « *Cố phòng* » 孤房, phòng lẻ-loi một mình.

(13) « *Ván-mông* » là tin-tức ngóng-trông, tâm-hơi uẩn-tức.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(14) « *Thê-lương* » 淒涼, lạnh-lẽo.

(15) « *Phi-huỳnh* » 飛螢 con đóm-đóm bay.

(16) « *Bóng thỏ* » bởi chữ thổ-ảnh 兔影. Theo lời tục truyền; Trong mặt trăng có con thỏ, con cóc. Vây bóng thỏ là bóng trăng. Thiêm-ảnh 蟾影 bóng con cóc — Ngân thiêm 銀蟾, đều một nghĩa.

(17) « *Tiểu hầu* », là đứa tó gái nhỏ.

(18) « *Quyên* » 鴛 là chim Đổ-quyên. Đổ-quyên 杜鵑 hay là Đổ-vú 杜宇 là con chim giống chim Ò-ho, Tu-hú, thường kêu suốt đêm ngày. Sách Hoa-Dương quốc-chí 華陽國志 chép: Vua Đổ Vũ nước Thục 蜀 mất nước chết hóa chim Đổ quyên.

Thơ bà huyện Thanh-quan qua đèo ngang « nhỏ nước đau lòng con quốc-quốc.

(19) *Thương xuân* 傷春 một là khúc hát tự than-van đời người chậm-trẻ sự hanh-thông. Chuyện Phạm Thận 范梈 ở Nam-sử chép: Ông ấy mới 29 tuổi mà tóc bạc phơ, chẳng gặp thời-vận, bèn đặt khúc « *Thương xuân* » tự than mình.

(20) *Sương-khue* 霜窟 là nơi phòng đàn-bà góa chồng 。

VII

285 — Tiếng thúy-diện 翠殿 cười già ra gât (1)
Mặt quyền-môn 權門 thăm rất nên phai ! (2)

Nghĩ nên tiếng cửa quyền ôi (3)

Thì thông-thả vậy, cũng thôi một đời !

289 — Ví sớm biết lòng trời đeo-đẳng,
Dầu thuê tiền cũng chẳng buồn-tênh !
Nghĩ mình lại ngán cho mình,

Cái hoa đã trót gieo cành biết sao ? (4)

293 — Miếng cao-lương phong-lưu 青梁風流
nhưng lợm (5)

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Mùi hoặc-lô thanh-đạm 香翠清波 mà
ngon. (6)

Cùng nhau một giắc hoành-môn 衙門 (7)

Lau-nhau riu-rít cò con cũng tình. (8)

297 — Minh có biết phận mình ra thế,

Giải-kiết 解結 điều 大 oé oé làm chi (9)

Thà rằng cục-kịch nhà quê,

Dấu lòng nũng-nịu nguyệt kia hoa này !

301 — Chiêu tịch-mịch 寂寞 đã gây bóng thỏ (10)

Vẻ tiêu-tao 蕭條 lại vô hoa đèn (11)

Muốn đem ca-tiểu giải phiền, 眾笑解煩

Cười nên tiếng khóc, hát nên giọng sầu.

305 — Ngọn tâm-hỏa 心火 đốt râu nét liễu 柳

(12 - 13)

Giọt hồng-băng 紅冰 thấm ráo làn son

(14 - 15)

Dơ buồn đến thú cò-con,

Trà chuyên nước nhất, hương đồn khói

đôi. (16)

309 — Trong gang tấc mặt trời xa mấy ! (17)

Phận hãm-hiu nhường ấy vì đâu ?

Sinh-ly 生離 đôi rất thời 辰 Ngâu 牛 (18)

Một năm còn thấy mặt nhau một lần.

313 — Huống chi cũng lạm phần son phấn,

Luống năm-năm chực phận buống không !

Khéo vô duyên 無緣 với cừu-trùng 九重 !

Thắm nào nhuộm lại tơ-hồng cho tươi ?

317 — Vườn Thượng-uyển 上苑 hoa cười với

nắng, (19)

Lối đi về ai chẳng chiều ong ?

Doanh Nhâm một giải nông-nông, (20)

Bóng dương 陽 bên ấy, đứng trông bên này.

321 — Tình râu-rí khôn khuây nhi-mục 耳目

Chốn phòng không như giục mây-mưa
(21)

Giấc chiêm-bao những đêm xưa,

Giọt mưa cứu-hạn 久 旱 còn mơ đèn rày (22)

825 — Trên chín bệ có hay chăng nhỏ ? (23)

Khách quần-thoa 袿 袿 mà để lạnh-lùng !
(24)

Thù nhau chi, hỡi đông-phong 東 風 ?
(25)

Góc vườn dãi nắng cầm bông hoa đào. (26)

LƯỢC-TỰ. — (Đoạn VII), — Nói lời cung-phi
đoạn này cung-phi giải tỏ những duyên-cớ sở-đĩ
sinh ra sự rầy-rúng của quân-vương đối với cung-
phi và than-phiền mơ-lưởng những sự dĩ-vãng,
toan canh-cải thân-thể, nhưng rồi-cùng phải đành
chịu vô duyên mà chầu-chực quân-vương và than-
trách oán-hờn.

(Đoạn này là một đoạn « Thúc » (bỏ lại) để
lên sang đoạn « Kết » như đã nói ở mục tiêu-dẫn).

GIẢI-NGHĨA (Đoạn VII, từ câu 285 đến 328)

Cung-phi giải-bày các duyên-cớ sự rầy-rúng
của quân-vương.

Chỉ bởi quá yêu hóa ghét, quá vui hóa buồn,
nói rằng: « Tiếng thúy-diện cười già hóa gắt ». Vì
nơi cung cấm (thúy-diện) bởi cười già hóa gắt,
« lạc cực sinh bi », như đã nói trên (1).

Và nơi quyền-môn (cửa nhà vua quyền-quí) vì
màu-sắc quá đậm-dà nên phải nhạt-phai. Ý câu này
đi đôi với câu trên cho nên quân-vương sinh lòng
rầy-rúng (2).

Nay nghĩ lại thêm phiền, như thân-phận cung-
phi là kẻ đã nên mang tiếng « cửa quyền ôi » (cửa
quyền nguội lạnh âm-ôi không nóng sốt) (3)

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Thì ta chớ làm danh-phận gì, mà thông-thả vậy cũng thời một đời.

Vì sớm biết lòng quân-vương thương-yêu quyền-luyến ta, không phụ-rẫy ta

Thì dù ai có thuê tiền, ta cũng không mua-chuốc lấy cái nổi buồn-lên làm gì.

Nay nghĩ mình lại oán cho mình !

Cái thân mình như hoa đã lìa cành biết sao ? (4)

Ở chốn cửa quyền lâu đã chán-chê mùi cao-lương và thú phong-lưu rồi (đã lợm) (5)

Sao cho bằng mùi rau hoặc rau lè là vị tầm-thường thanh-đạm mà ngon (6).

Hơn nữa là ăn-cư nơi thôn-dã (7) (Hoành môn).

Cùng với chông con hủ-hỉ đoàn-tụ như loài chim âu chim lộ (cò con) cũng tình (8).

Nếu mình sớm biết phận mình vô duyên như vậy

Thì mang vào rồi lại cởi ra (giải-kiết) chỉ những điều oé-oẹ, những lối tuồng dở-dang trên sân-khấu làm chi ? (9)

Thả rằng ta theo thú cực-kịch chốn nhà quê, mà...

Cũng cứ vui thú tự-do khi nũng-nịu với hoa kia nguyệt này vẫn vui lòng vậy.

Còn như làm cung-phi thế này, thêm làm nổi quạnh-hiu, là những khi nương bóng trăng (bóng thỏ) với một chiều tịch-mịch (10)

Khi bạn với bóng đèn suốt đêm buồn-bực tiêu-tao (11)

Dù muốn đem câu hát chuyện cười (ca-tiểu) mà giải bớt nỗi phiền

Nhưng nếu ta cười, cười ra khòe, có hát vui nên giọng sầu.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Ngon lửa lòng (tâm hỏa) nó đốt lòng ta làm
đôi mày nhăn-nhó (12-13).

Giọt nước mắt hồng như giá đông nó thấm
ráo mảnh má đào (làn son) (14-15).

Nỗi do-buồn, buồn cho đến cảnh cón-con.

Là khi uống chén trà, chỉ uống chén thứ nhất đã
chán, và khi đốt lò hương cứ dồn thêm muống
hương này chưa hết đã dồn thêm muống hương
khác (16)

Ta buồn-rầu như thế, có phải ở nơi xa cách
quân-vương đâu, quân-vương vẫn ở gần ta nơi
gang tấc (17).

Thế mà phận hãm-hiu nguội lạnh vì đâu ?

Ta thử gẫm sự chia-lìa của đôi vợ chồng Ngưu-
Nữ vì đâu (18) thời-kỳ có hiếm-hoi lắm

Thế mà mỗi một năm còn được gặp nhau một
lần.

Hướng ta đây không phải là tiên như Ngưu-Nữ
nhưng cũng được lạm phần son phấn (cung-phi)

Sao hết năm này qua năm khác, năm nào cũng
đánh, chịu phận bồng không một mình ?

Đã nên khéo vô-duyên lắm thay, ta đối với
cửu-trùng (vua) (Xem chú-thích 28, đoạn IV).

Sợ tơ-hồng này (duyên-phận vợ chồng) biết
lấy đâu có màu thắm mà nhuộm lại cho tươi bây
giờ ?

Nay thử nghĩ cái thân-phận làm cung-phi như
thế này khác nào những cành hoa rơi nơi thưng-
nguyên, hoa nở mà không có con ong tìm hương kiếm
nhụy, chỉ tro-tro cười với nắng hoài (19)

Như vậy thì đường đi lối về ai lại không phải
chiều-chuộng cái bướm con ong.

Nhưng có được chiều-chuộng vì đâu. Cái thân

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

ta chỉ như một vùng nước kia (doanh Nhâm) một
giải cạn-cạn (20).

Đứng bên này bờ nước trông bóng nắng bên
kia, không gần được

Cái tình rầu-rĩ như vậy thật khôn khuấy với
tai mắt (nhĩ-mục).

Cứ xui nên chốn phòng không một mình, cứ
mơ giấc mây-mưa (21)

Cứ nhớ hoài : mơ-tưởng giấc chiêm-bao, những
súc đêm xưa khi mới vào làm cung-phi

Được gần-gũi chung-chạ chắn gối với quân-
vương chẳng khác nào giọt mưa cứu-hạn (Nắng lâu
được trở mưa) còn mơ cho đến bây giờ (22).

Nỗi ước-mơ như thế, chẳng hay trên chín bệ
đăng quân-vương có biết cho chẳng tá ? (23).

Sao đành để cho kẻ quần-thoa (đàn-bà) phải
chịu lạnh-lùng (24)

Ta thử gọi ngọn gió đông mà hỏi, có thù chi
nhau chẳng, hỏi gió đông ? (25).

Cớ sao nơi xó góc vườn kia lại cầm ngăn một
đóa hoa hoài hoài giải nắng ? (26).

CHÚ-THÍCH. — (1) « *Thúy-diện* 翠殿 », có bản
chép thúy-diện 翠殿, giải-nghĩa là nơi sâu-xa, nhưng sai, vì
chữ túy 翠 ngoài Bắc đọc là thúy 蓮 là sâu-xa. Đây Thúy-diện
蓮殿 là nơi đèn cung-phi ở thường màu túy 翠 (xanh pha
lục) như chữ túy-lâu, lâu túy. Túy-dịch 澁 nơi viện túy. —
Túy-hoa cái kiện vua đi v.v.

(2) « *Quyền-môn* », nơi cửa quyền, tức nơi nhà vua
quan có oai-quyền thì gọi là cửa quyền.

(3) « *Cửa quyền ỏi* », là cửa quyền người lạnh hãm-hiêu,
không có vẻ náo-nhiệt.

(4) « *Gleo cãnh* », là rơi-rụng ra khỏi cành, « hoa gieo cãnh » là hoa rụng. Hoa rụng có chữ Phiên-hủ hoa 落潤花, hoa rơi vào rãnh bùn như. Nam-Sử chép chuyện Phạm Thận 范慎 nói với Cãnh-lăng-vương rằng ; « Người sinh ở đời như cái hoa, khi sinh ra, cùng sinh rồi cùng nở, khi rụng thì có cái hoa may-mắn bay vào nơi chiếu-nệm, lầu-dài, tức như vương (Cãnh-lăng-vương 竟陵王), có hoa rụi rơi bay vào rãnh bùn-như như tôi đây vậy. Ý nói người có may rụi khác nhau. Đây dùng hoa gieo cãnh bởi nghĩa chữ Phiên-hủ ấy.

(5) « *Cao-lương* 膏梁 », là vị ăn ngon lành. Cao là mỡ, lương là gạo thứ ngon. « *Phong-lưu* » là sang-trọng đủ sung-sướng.

(6) « *Hoắc lê* 藜藿 », là thứ rau dền, rau nhiếp, ăn ngon, có thể đỡ đói, vị ăn của nhà nghèo.

(7) « *Hoàng-môn* 街門 », gác ngang cây gỗ, cây tre làm cửa ngõ tầm-thường, là nơi ở của người hèn. Kinh Thi 街詩 : Hoàng môn chi hạ khả dĩ thê tri 街門之下可也 棲遲 : ở chốn cửa ngang tầm-thường bằng gỗ, đoạn tre cũng khá ở yên. Ý nói người ở ăn.

(8) « *Cò con* » bởi chữ âu-lộ 鷗鷺, là loài chim cò, chim le-le, người ăn-dật thường ưa chơi ở nơi đồng ruộng cò cò, con le ở. Sách Liệt-Tử 列子 có chữ Âu-lộ vong cơ 鷗鷺忘機 : chim âu chim lộ quên cả then máy. Ý nói loài chim ấy tự-do không quan-hệ với việc đời, và có chữ âu-manh 鷗盟 làm bạn trao lời hẹn-ước với chim âu. Đây dùng « Cò con » bởi nghĩa ấy. Ngoài Bắc cũng nói cò con là những sự đoàn-tụ nhỏ của người mà có vẻ vui-vầy. Như chơi cò con là chơi một nhóm người ít mà vui.

(9) « *Oé-ọc* » là những giọng hát bội dở, nghe buồn (Giải-kiết điều oé-ọc làm chi) nghĩa là không cời ra mang vào những lối vai tuồng vô ích dở-dang trên sân-khấu. Ý nói làm sang-phi không xứng lòng thêm vô ích.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(10) « *Bóng thỏ* » : bóng trắng (xem chú-thích số 16 trang 81).

(11) « *Tiểu tao* 蕭騷 » là xơ-xác đau-thương (vô) kết bạn với một vẻ lẻ-loi chéch-mác.

(12) « *Tâm hỏa* 心火 » là lửa lòng, nổi uất-hận như ngọn lửa đốt lòng.

(13) « *Nét liễu* » là nét đôi mày vẽ như hình lá liễu-yếu.

(14) « *Hồng băng* 紅冰 giá đỏ », là nước mắt đỏ. Điền cung-phi là Tiết linh Vân 薛靈芸 dời vua Ngụy văn Đế 魏文帝 có dung-mạo tuyệt vời, ông Thái-thú quận Thường-sơn là Cốc Tập 谷習 mua hàng nghìn lạng vàng dân vua Ngụy văn Đế. Khi nàng từ-biệt cha mẹ, khóc như mưa, lấy bình ngọc hứng, sau hòa ra khỏi băng đỏ (hồng băng).

(15) « *Làn son* » là cái vẻ má hồng.

(16) « *Chè chuyên nước nhất, hương đồn khói đôi* ». Chè là trà uống, chuyên nước nhất là pha lần đầu đã thôi uống. Ý nói không có ai cùng uống nên mau chán. Lô Đồng đời Đường có bài Trà-ca 茶歌... Nhất tràn hầu vãn nhuận, nhị tràn phá cô-mnộn. Tam tràn... 一盞喉例潤. 二盞破孤悶, 三盞., uống một chén thì cô và họng thấm và nhuận, uống hai chén thì sự buồn quạnh-quẽ phá tan. Chén thứ ba... Đây vì không phá nổi buồn cô-quạnh được nên chén thứ hai không uống (Chè chuyên nước nhất).

« *Hương đồn khói đôi* ». Hương, ngày xưa dùng các thứ hương như : Trầm-hương — Bài-hương — Túc-hương — Kê cốt trầm hương — Bạch-dàn nhũ hương v. v. . gọi là bách hoa hương 百和香 tán nhỏ hòa với nước mía cất trong vòm sành, múc từng muỗng bạc nhỏ đốt trên cái rá đồng trong lò, trên viên than hầm, lò bằng đồng, nắp lò chạm hình con nghê, khi hương đốt khói phun ra miệng nghê, gọi là Kim-nghê 金猊 hoặc trong lò bằng đồng đen, chạm hình con vịt nằm khảm cái kim-khí đẹp, gọi là Bửu-áp 寶鴨. Các nhà sang quý

thường đốt trong ngày lạnh ở trong phòng ngủ, phòng khách, Hương đem đốt đồn mai để mong rước vua, ngớ vua đến cứ đốt đồn nhiều lần ; nhưng vua vẫn không đến (Hương đồn khói đôi).

(17) « *Gang tấc* » nghĩa gần vua (Xem chú-thích số 24 trang 61).

(18) « *Ngâu* » tức Khiên Ngưu 牽牛. Sao Ngưu sao Nữ, Chức Nữ 織女 mỗi năm chỉ gặp nhau một lần (xem chú-thích số 49 trang 65).

(19) « *Thượng-uyên* 上苑 » là vườn hoa của vua. Thượng-lâm 上林 cũng đồng nghĩa.

(20) « *Doanh Nhâm* » Doanh bởi chữ Doanh 漢 là một vùng nước. Nhâm 壬 là tên thần ở dưới nước. Thơ Hàn Dũ 韓愈 có câu : Nữ Đinh phu Nhâm truyền thế hôn 女丁 壬傳世婚 ; Nghĩa là Nữ Đinh là vợ Nhâm đời trước truyền là vợ chồng.

Lời chú-thích của Đông-Sơn Tiểu Liên 東山小道 rằng, con trai vua Huyền-minh 玄冥 là Nhâm phu An 夫安, con gái họ Chúc Dung 祝融 là Đinh Dương 丁羊 đều là thần ở dưới nước. Huyền-minh chỉ từ viết Nhâm phu An, Chúc Dung chỉ nữ viết Đinh Dương 玄冥之子曰壬夫安, 祝融之女曰丁羊.

Thơ Tô Thức (Đông Pha) : Nhâm công phi không Đinh Nữ tàng 壬公飛空丁女藏 : Nhâm-công bay trên không Đinh Nữ dấu mình. Thơ ấy vịnh cái sỏi bay (cái thác). Chú nghĩa : Nhâm-công là tên thần ở dưới nước cạn và im (chữ Nhâm hoặc có làm chữ « giâm » là im).

(21) « *Mây mưa* » là gối chần chung chạ (xem chú-thích số 4 trang 29).

(22) « *Cửu hạn* 久旱 » là nắng hạn lâu ngày « Giọt mưa cứu hạn » là trời mưa khi đã nắng hạn lâu rồi mới được. Ý nói sự yêu-dương của vua đã ban cho từ lâu rồi nay còn nhớ, còn mong.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(23) « *Chín bệ* » là nơi vua ở, ngai nơi chín tầng cao, bệ là cái thềm. (Số 5, số 9 thuộc về hào Dương : số 6 thường ở hào Dương : hào của vị vua).

Các quan gọi là Bệ-hạ 陛下 dưới bệ — ý tôn-kính nói nơi dưới bệ, không dám nói tận nơi vua. Người nhỏ gọi người lớn thì gọi là « Các-hạ » « Túc-hạ 閣下, 足下 » : dưới gác lầu, dưới chân, ý tôn-kính cao xa.

(24) « *Quần thoa* 裙紉 » Quần là cái quần, là một tấm hàng hoặc gấm quàng dưới hạ thề con gái đàn-bà như cái váy. Có sáu tấm kết lại thành cái quần, không phải quần như của ta. Thoa là cái tấm giắt tóc có hai ngành bằng vàng. Phục sức của phụ-nữ.

(25) « *Đông-phong* 東風 » chỉ mùa xuân, có gọi Đông phu cũng như Đông-quân (Xem chú-thích số 3 trang 72).

(26) « *Hoa Đào* » ví người con gái có nhan-sắc như hoa đào. Thơ Thôi Hộ 崔護 đời Đường nhân ngày lễ Thanh minh đi thăm mộ, ghé vào xin chén nước trà của người gái đương đứng dưới cửa ngõ bên cây đào. Người gái mời chén trà và có ý nhìn Thôi Hộ bằng một vẻ hữu tình. Năm sau đi lễ Thanh-minh lại ghé thì không thấy người ấy. Hộ bèn đề gốc đào một bài thơ :

去年今日此門中
Khứ niên kim nhật thử môn trung
人面桃花相映紅
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
人面祇今何處去
Nhân diện chỉ kim hà xứ khứ
桃花依舊笑東風
Đào họa y cựu tiếu đông phong.

Dịch : Cửa này năm ngoái thấy bên trong,
Vẻ thắm đào tươi yển má hồng

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Nay chẳng thấy người đầu đó á ?

Hoa đào còn cọt gió đông.

Qua năm thứ ba, Hộ đi Thanh-minh lại ghé lán nữa nghe : cửa đóng trong nhà có tiếng khóc. Hỏi thăm mới được biết rằng người con gái ấy đã vì bài thơ của Hộ đề, mà đau xương-tư, nay mới chết và chưa liệm. Hộ xin vào thăm, đến bên tử-thi gọi to lên rằng : « Có Thôi Hộ đến đây ». Người chết tỉnh dậy. Chuyện chép ở Lệ-tình tập 麗情集.

VIII

- 829 — Tay Tạo-hóa 造化 cơ sao mà độc (1)
Buộc người vào Kim-ốc 金屋 mà chơi (2).
Chống tay ngồi ngấm sự đời,
Muốn kêu một tiếng cho dài, kéo cằm !
- 833 — Nơi lạnh-lẻo, nơi xem gần-gần ★,
Há phai sơn nhật phần ru mà !
Trêu người chi bấy trắng già (3) ?
Sao cho chỉ thăm mà ra tơ mảnh (4) ?
- 837 — Lòng ngán-ngẫm buồn-tênh mọi nỗi,
Khúc sấu-tràng 愁腸 bối rối dường tơ,
Ngọn đèn phòng động 房洞 đêm xưa (5)
Chòm hoa tịnh-đế 並蒂 tro-tơ chưa tàn (6)
- 841 — Mà lượng thánh đa-đoan 量聖多端 kíp
mấy,
Bổng ra lòng rún-rầy ★ vì đâu ?
Bổ-già tỏ nỗi xưa sau (7),
Chẳng đem nỗi ấy mà tâu ngự cùng (8) ?
- 845 — Đêm phong-vũ 風雨 lạnh-lùng có một,
Giọt ba-tiều 芭蕉 thánh-thót cằm canh,
Bên tường thấp-thoáng bóng huỳnh-hệ ,
Vách sương nghi-ngút, đèn xanh lơ-mờ.
- 849 — Mắt chưa nhấp, đồng-hồ 銅壺 đã cạn (9),

CUNG OÁN NGÂM KHỨC

Cảnh tiêu-diêu 昔 倏 ngao-ngán đường
bao !

Buồn này mới gọi buồn sao ?

Một đêm nhớ cảnh biết bao nhiêu tình !

358 — Bóng cầu 物 thoáng bên màn mây nổi
(10),

Những hương sầu phần tử sao xong !

Phòng khi động đèn cừu-trùng 九 重 (11)

Giữ sao cho được má hồng như xưa (12).

== HẾT ==

LƯỢC-TỰ (Đoạn VIII). — Đoạn VIII này là một đoạn kết-liều lời cung-oán ở đoạn I. Đoạn ấy có câu « Trộm nhớ thừa gây hình tạo-hóa » nói tạo-hóa gây nên thân-thể : đến đầu đoạn VIII này lại diễn lại tiếp thêm sự tạo-hóa gây hình mà tiếp thêm rằng : Tay tạo-hóa cơ sao mà độc, buộc người vào kim-ốc mà chơi » ấy là kết-liều hai chữ **CUNG OÁN** vậy.

Oán nhưng không giận, mà những lo vẹn-toàn بدن-phận của cung-phi.

GIẢI-NGHĨA (Đoạn VIII, từ 329 đến 356)

Cung-phi nhắc lại tạo-hóa đã gây hình ra rồi cơ sao đang tay độc-địa (1).

Sao không buộc mình vào nơi gia-thất nào cho đẹp lòng vừa ý, mà lại buộc vào nơi Kim-ốc mà chơi (2)

Ngao-ngán thay, ta chớng tay ngồi ngấm sự đời

Cũng muốn kêu to lên rằng : « Oán » cho dài kéo cãm !

Cớ sao nơi thì đề đơn-có lạnh-lẽo, nơi thì gần-gũi yêu-dương ?

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Mà mình đây đau phải phần nhặt son phai, cũng là cung-phi như người

Như thế cũng nên trách ông trăng già (3)

Sao thân này đầy-dủ sắc-tài (như con chi thăm) mà nữ đề hóa ra tơ-mành yếu-ớt mỏng-mạnh thế này ? (4)

Đề cho lòng này sinh ngán-ngâm buồn-tênh mọi nỗi

Khúc sầu-tràng nên bối-rối như tơ.

Cứ nghĩ vợ-vần trong mộng hờn như còn trông thấy ngọn đèn nơi động-phòng ngày trước, khi mới đưa vào cung bày lễ hợp-cần nơi động-phòng còn chong đó (5)

Như chòm hoa tịnh-đế (được họa) tro-tro chưa tàn (6)

Mà sao lượng thánh (lòng vua) lại đa-đoan lắm mối như vậy.

Bỗng ra lòng rầy-rún vì đâu ?

Ta thử hỏi bác hồ-già, bác châu-chực hầu-bạ đã lâu, bác từng tỏ nỗi trước sau (7)

Sao bác không đem nỗi uất-phần này mà tâu với ngự (Vua) cùng ? (?)

Bác có biết chẳng cái thân này đã bao phen phong-vũ lạnh-lùng chỉ lẻ-loi có một

Thêm buồn thay khi nghe giọt mưa thánh-thời nhỏ trên tàu lá chuối (ba-tiêu) suốt canh này đến canh kia.

Đáng buồn thay : bên tường lửa dóm thấp-thoảng mập-mờ

Cùng với giọt sương gieo nghi-ngút bên vách trong đêm khuya canh vắng, người buồn bên ngọn đèn xanh lờ-mờ !

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Những khi ấy, mắt chưa nhắm, suốt canh dài
nghe giọt đồng hồ toan cạn, đêm toan hết (9)

Đối với cảnh liêu-diêu ấy, thật nên ngao-ngán
xiết bao !

Cái buồn này mới thật đáng gọi là buồn làm sao !
Suốt một đêm dài như cảnh cũ, như đã kể trên
biết là bao nhiêu tình !

Con một nỗi đáng lo hơn nữa, là bóng câu
đi nhanh - chóng, bên bức màn không mấy lúc
(mấy nỗi) (10)

Bóng ngày đi nhanh-chóng mà chẳng làm nên
điều gì, cứ mãi-mãi hương sầu phần tuổi chưa xong.

Như thế thì phải sợ khi động đến, nhà vua
(cửu-trùng) hỏi đến. Hỏi sự đức-hạnh như các bà
Hậu-phi, có tài-đức xưa (11)

Thì ta biết làm sao giữ được cái địa-vị (mảnh
má hồng) như các bà Hậu-phi ngày xưa vậy (12).

CHỮ-THÍCH.— (1) « *Tạo hóa* » là ông Trời (Xem
chú-thích số 5 trang 23).

(2) « *Kim ốc* 金屋 » : nhà vàng : là một nhan-sắc tuyệt-
vời, bởi điển Hán Võ-đế (Hán Võ-đế cổ sự) khi còn làm
thái-tử, đang nhỏ, bà trưởng công-chúa muốn gả con là A
Kiêu cho đế, bèn chỉ A Kiêu mà hỏi đế rằng có muốn A
Kiêu làm vợ chẳng ? Và hỏi Kiêu có đẹp chẳng ? Đế đáp
rằng nếu được A Kiêu 阿嬌 sẽ đúc cái nhà bằng vàng cho ở.

Nay cùng điển « nhà vàng » ví sắc đẹp tuyệt-thể. Hoặc
những bà Phi Hậu có sắc đẹp.

(3) « *Trăng già* », bởi chữ Nguyệt-lão 月老 (Xem
chú-thích số 7 trang 46).

(4) « *Tơ-mành* », là sợi dây rất nhỏ, để đứt không
bền v. v. . .

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

(5) « *Phòng động* », tức Động phòng 洞房, nơi buồng kín dùng bày lễ hợp-cân 合巹 khi vợ chồng mới cưới về.

Đây dùng ý khi cung-phi mới đưa vào cung như lễ cưới vợ người thường, nên dùng động phòng.

(6) « *Chòm hoa tịnh-đế* », Tịnh 並 là đôi, Đế 蒂 là cái đế-hoa, hai hoa cùng nở trên một đế, như sen một cọng nở hai hoa, hoa cúc, hoa lài một cọng nở hoa sinh đôi là điềm lành của sự vợ chồng đôi lứa.

Hai ngọn đèn thắp cúng khi đầu lễ thành hôn, gọi là hoa-chúc (đuốc hoa) ví như đôi hoa tịnh-đế (chòm hoa tịnh-đế, một chòm nở hai hoa).

Thơ nàng Tiều Thanh đời Thanh có câu : Nguyễn trương nhất trích dương chi thủy, hóa tác nhân-gian tịnh-đế-liên 願將一滴楊枝水, 化作人間並蒂蓮 : Nguyễn xin Phật Quan-âm cho một giọt nước nhiệm-mầu ở cành Dương-liều (xem chú-thích số 8 trang 46) để hóa thân nàng thành đôi hoa sen Tịnh Đế ở chốn nhân-gian.

Tiều-thanh 小青 là một tài-nữ bị làm vợ lẽ, bị vợ cả ghen giam chết khi 18 tuổi. Câu thơ này là khi nàng lễ Phật Quan-âm xin hóa kiếp làm sen tịnh-đế, ý nói làm một vợ một chồng.

(7) « *Bổ* » là những hoạn-quan 宦官 thái-giám 太監 chầu-hầu vua. Đời xưa những đàn-ông lại-cái chọn vào chầu-hầu nơi cung-cấm gọi là hoạn-quan, là Phụ, Tự 婦, 寺, và Thái-giám. Nước ta gọi là « Bô » là ông Giám.

(8) « *Ngự* » là sự thống-trị thiên-hạ của nhà vua như Ngự-quốc, những hành-dộng của vua đều gọi là « Ngự ». Các quan gọi vua là ngài ngự.

(9) « *Bóng câu* », là bóng con ngựa con, hoặc ngựa nhỏ mà mạnh — Nghĩa bóng là bóng nắng. Bờ diên vua Tống Thái-tổ nói : nhân sinh nhất thế như bạch câu quá khách 人

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

生一世如白駒過隙 : Người sinh trong một đời như bóng ngựa trắng qua cửa sò.

Đây dùng « Bóng cầu » là ngày giờ. Chữ bạch cầu quá khích, cầu quang, khích cầu, đều một nghĩa.

(10) « *Đồng-hồ* 銅壺 » là một khí-dụng ngày xưa dùng để đo thì giờ tuy kiểu làm khác nhau, nhưng chẳng ngoài một cái bầu đựng nước dưới đáy xoi lỗ nhỏ cho nước chảy, trong bầu khắc dấu để đo thì giờ theo giọt nước chảy cạn lần đến mỗi dấu gạch làm một giờ — bên bầu có cái giá cắm thẻ, để bết một giờ ghi một thẻ. Cũng gọi là *Lậu-hồ* 漏壺, *Đồng-long* 銅龍 hoặc *Dạ-lậu* 夜漏 v. v.

(11) « *Cửu-trùng* 九重 » là vua, là chín tầng (Xem chú-thích số 28 trang 62).

(12) « *Má hồng như xưa* », nghĩa bóng là những bà Phi, Hậu đời trước có đức-hạnh tốt giúp vua trị nước như bà Thái Tỷ 太姒, Ấp Khương 邑姜 ngày xưa đời nhà Chu đã giúp vua trị nước có tiếng giỏi.

LỜI LẠM BÌNH

VĂN CUNG-OÁN NGÂM-KHỨC

« Văn tức là người », câu nói ấy dù người Âu Á cùng đồng một ý-tưởng. Song nhận cho được « Văn tức là người », tưởng chẳng phải là dễ.

Triều Tự-dức vua Dực-tông có ra lời sắc khiến các văn-thần hay thơ soạn một tập « Thi-tấu hợp tập 詩奏合集 » thu-tóm tất cả những lời bình-phẩm ở các tập thơ văn người Tàu trứ-danh — về thơ từ đời Tiên-Hán đến đời Thanh. Lại có Ngao-đào-Tôn 敖陶孫 người đời Minh đã phê-bình các nhà thơ trứ-danh của người Tàu tự xưa nay rất đích-xác.

Nay xem những lời phê-bình của ta của Tàu đã kể trên thi chi xiết thân-phục những lời bình-phẩm, chẳng khác vào trong một hoa-viên có muôn hồng nghìn tía, riêng có vẻ tốt-tươi, hay là đi khắp năm châu thấy những nơi danh-thắng, non nước có lắm vẻ thanh-kỳ diệu-tuyệt, đủ rõ tạo-hóa kia phú-bẩm tinh linh cho người có thiên-tài thiên-phận khác nhau như hoa-thảo, như non-sông vậy.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Khi tinh-tú của non-sông chung-đức người thông-minh trí-tuệ, người trí-tuệ lại lặn-lội trong chốn hương thơm sắc đẹp ăn hoa ngậm nhụy mà hiện ra cái chân-tướng của mình. Cái chân-tướng tức văn-chương, văn-chương tức chân-tướng.

Nay ta thử đem « Cung-oán ngâm-khúc » mà nghiệm xem chân-tướng của Ôn-Như Hầu tiên-sinh ra thế nào ?

Ta xét được tiên-sinh là một nhà thơ có tính-tình khoáng-dạt, có cốt-cách thần-tiên, và thân-thế cảnh-ngộ tiên-sinh hình như ông Khuất Bình (Khuất Nguyên) nước Sở ngày xưa, vì có tài cao hơn người nên bị ghen-ghét dèm-siêu, mất sự tín-nhiệm của nhà vua, nên tiên-sinh phẫn-uất mượn thân-thế cung-phi mà thốt ra lời Cung-oán, cũng như Khuất Nguyên làm tập « Sở Từ » mà tỏ nỗi hờn riêng.

Sở Từ gồm có nhiều thiên, nhiều đề, mà Cung-oán chỉ có một mối oán. Song trong sự oán, oán mà không giận, oán mà giữ vẹn trung-trình. Đó là do lấy cái thi-chỉ của Kinh Thi có bốn điều mà ở sách Luận-ngữ, thiên Dương-hóa, đức Khổng-tử đã dạy rằng :

1.) Thi khả dĩ hưng 詩可以興 : Học thơ để hưng-khởi chí-khi của mình.

2.) Thi khả dĩ quan 詩可以觀 : Học thơ để khảo-xét sự đặc-thất ở đời.

3.) Thi khả dĩ quần 詩可以羣 : Học thơ để hợp-quần hòa-mục mà không phe-dân.

4.) Thi khả dĩ oán 詩可以怨 : Học thơ để oán, oán mà không giận. Như vậy thơ có chính-nghĩa là hợp với nhân-luân vậy.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Nay đọc thiên Cung-oán ta có thể đem bốn điều thánh Khổng đã nói trên kia mà suy-xét như sau này :

I. — « Khả dĩ hưng » : Đề có thể hưng-khởi chí-khí của mình.

Vì tài-năng phẩm-giá của mình, của trời kia phủ-bảm cho sẵn có tri-tuệ thông-minh :

*Trộm nhớ thừa gáy hình tạo-hóa,
Vẻ phù-dung một đóa khoe tươi,*

Vì tài-năng mình vốn lắm người ưa-chuộng :

*Tài sắc đã vang-lừng trong nước,
Bươm ong càng xao-xác ngoài hiên.*

Vì tài-năng khi còn tự-trọng chưa đem ra đời :

*Hồng-lâu còn khóa then sừng,
Thâm-khue còn giấm mùi hương khayh-
thành.*

Vì tài-năng mình vốn qui không xem thường
xem khinh :

*Hương trời sá động trần-ai,
Dầu vàng nghìn lạng dễ cười một khi.*

Vì tinh-tinh mình vốn có cốt-cách thần-tiên :

*Thà mượn thú tiêu-diêu của Phật,
Mối thất-tình quyết dứt cho xong.*

*Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên.
Thoát trần một gót thiên-nhiên.
Cái thân ngoại vật là tiên trên đời.*

Vì phẩm-giá của mình vốn cao-sang, bồng phải
chịu dẫn mình trong vòng tục-lụy :

*Lan mấy đóa lạc-loài sơn-dã,
Ừng mùi hương vương-giá lắm thay !*

II. — « Khả dĩ quan » : Có thể khảo-xét sự đảo-
thất việc đời :

Vì những tài-năng mình cao-siêu cho nên làm
người ghen-ghét mà đem lời dèm-pha :

*Má hồng không thuốc mà say,
Nước kia muốn đổ thành này muốn long.*

Vì việc đời như giấc mộng, chính mình đã
khảo-sát được, ấy bởi cơ tạo-hóa khôn lường :

*Kia thế-cục như in giấc mộng,
Mây huyền-vi mở đóng khôn lường.*

Vì những sự phiền-não trên đời đã tỏ-bày từ
khi người mới sinh ra, đã xét rõ-ràng :

*Thảo nào khi mới chôn nhao,
Đã mang liếng khóc ban đầu mà ra.*

Vì mình đã trải cuộc đời nhiều nổi khốn-khở
mà cái thân người vốn như vật huyền-hư :

*Trắng răng cho chi bạc đầu,
Tứ, sinh, kinh, cụ, làm nau mấy lần.*

*Nghĩ thân phù-thế mà đau.
Bọt trong bề khổ, bèo đầu bến mé,*

*Lò cừ nung-nấu sự đời
Bức tranh vân-câu, vẽ người tang-thương.*

Vì sự vinh-hoa phú-quí chính là một cái mồi
câu, một liều thuốc độc, nó lừa, nó như những kẻ
tham tâm, có biết đâu bao nhiêu phú-quí vinh-hoa
là giấc mộng ;

*Mồi phú-quí như làng xa-mã,
Bả vinh-hoa lừa gã công-khanh.
Giác Nam-kha khéo bất-tình,
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không !
Tuồng huyền-hóa đã bày ra đấy,*

Kiếp phù-sinh trông thấy mà đau,

Trăm năm còn có gì đâu.

Chẳng qua một năm cô-khâu xanh-ri !

III. — « Khả dĩ quần » : Có thể hợp-quần và hòa-mục mà không phe đảng :

Vì loài điều-thú là loài vô tri song cũng biết có đoàn-tụ thành đôi-lừa đèo-bông, hướng người ở trong trời đất sao cho thoát khỏi lẽ âm-dương vợ chồng.

Kla điều-thú là loài vạn vật,

Dẫu vô-tri cũng biết đèo-bông,

Có âm-dương, có vợ chồng

Dẫu từ thiên-địa cũng vòng phu-thê.

Đường tác-hợp trời kla giông-ruổi,

Lọt làm sao cho khỏi nhân-tình.

Vì sự đoàn-tụ hòa-mục làm vui mà không phe-đảng :

Cùng nhau một giốc hoành-môn,

Lau-nhau riu-rít cò con cũng tình.

IV. — « Khả dĩ oán » : Có thể oán, oán mà không giận.

Vì sự họa-phúc do có quyền trời kia đã cầm sẵn trong tay, chứ không cho ai được nhận riêng, nên không giận :

Quyền họa-phúc trời dành mất cả,

Chút tiện-nghi chẳng trả phần ai...

Hắn tức-trái làm sao đày tá,

Hay tiền-nhân hậu quả xưa kia

Hay thiên-cung có điều gì,

Xuống trần mà trả nợ đi cho rồi ?

Vì mình biết phận mình trời đã định thì cũng

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

không mang lối mặt nạ lên sân-khấu đóng vai tuồng
dở-dang làm gì :

*Minh có biết phận mình ra thế,
Giải-kiết điều oé-oạ làm chi.*

Vi sự làm thiệt-hại nhau bằng tinh-thần không
bằng hình-thức nên oán mà chẳng hờn :

*Giết nhau bằng cái Lưu-cầu,
Giết nhau bằng cái tru-sầu độc chưa.*

Vi khi tài-tri kém, tuổi-tác cao nhưng không
dám quên hai chữ trung-trinh bao giờ :

*Mơ-hồ nghĩ tiếng xe ra,
Đốt phong hương-hả mà hơ áo tàn.
Đè chừng nghĩ tiếng tiêu-đòi,
Nghiêng bình phấn mốc mà giời má nheo.*

Vi những nỗi oán muốn thốt ra lời chứ không
cru lòng hờn giận :

*Chống tay ngồi nghĩ chuyện đời,
Muốn kêu một tiếng cho dài kéo cằm.
Buồn này mới gọi buồn sao,
Một đêm nhớ cảnh biết bao nhiêu tình.*

Vi những nỗi oán tuy chất-chứa, tuy có nhiều
song không nhận là sự đáng giận, chỉ lo giữ sao
cho hoàn toàn bản-phận mình đối với chữ trung-
trinh với quân-vương như những người trung-trinh
ngày xưa còn lưu danh :

*Phòng khi động đến cứu-trùng,
Giữ sao cho được mà hồng như xưa.*

Đọc suốt mấy lời lạm bình này hẳn ai cũng
thấu rõ Ôn-như Hầu là một bậc có tài cao đức trọng,
đã từng trải cuộc đời lắm nỗi gian-nan, và không
oán trời, không trách người, lại còn muốn khuyên

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

đời, muốn dạy đời nên lịch-lãm bước đường đời, nên ném đủ mùi đời, nên mượn cái nhan-dề hai chữ cung-oán đội lốt cung-phi đã bị thất-súng để tỏ-bày tâm-sự của mình, đem cái thi-chỉ ở trong ba trăm thiên của Kinh Thi mà thuật lời đức Khổng-Tử dạy đời ở trong chữ oán rằng có thể nên oán « Khả dĩ oán », nhưng oán mà không giận, (oán nhi bất nộ) oán mà không chút giận-hờn, oán mà có suy-xét hợp lẽ tu-thần xử thế ở trong luân-thường.

Sách Kinh Tinh nước ta chưa có, vậy dám khuyên kẻ hậu học xem bốn điều đã kể trong lời toát-yếu ở bốn điều « thi-chỉ » trên đây, có thể gọi « Cung-oán ngâm - khúc » cũng là Kinh Thi phối-thai của Việt-nam ta ngày nay vậy.

Văn-bình TÔN THẤT LƯƠNG

CUNG OÁN NGÂM KHÙC
do ông Văn - Bình TÔN
THẤT LƯƠNG chú - thích
lần thứ tư do nhà TÂN-
VIỆT xuất-bản — in
tại nhà in riêng của nhà
xuất-bản TÂN-VIỆT
Giấy phép xuất-bản số
960/T.X.B. của bộ Thông
Tin Nam-phần Việt-Nam

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

SÁNG-LẬP NĂM 1937

Đã xuất-bản trên 350 thứ sách giá-trị

SÁCH GIÁO-KHOA TÂN-VIỆT

Loại cổ văn chú-thích và dẫn-giải

ĐÃ CÓ BÁN

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. TRUYỆN THỦY KIỀU | 10. HOA ĐIỀU TRANH |
| 2. TRUYỆN HOA TIÊN | NẮNG |
| 3. CHINH - PHỤ NGÂM KHÚC | 11. HẠNH THỰC CA |
| 4. CUNG OÁN NGÂM KHÚC | 12. NHỊ ĐỘ MAI |
| 5. LỤC VÂN TIÊN | 13. NỮ TỬ-TÀI VÀ BẦN NỮ THẦN |
| 6. TRUYỆN TRÉ CỐC | 14. NHỊ-THẬP TỬ HIẾU |
| 7. TRUYỆN TRINH THỦ | 15. GIA-HUẤN CA |
| 8. LỤC SỨC TRANH CÔNG | 16. BÍCH - CÂU KỶ NGỘ |
| 9. TRUYỆN PHAN TRẦN | 17. QUAN ÂM THỊ KÍNH |
| | 18. NGUYÊN CƯ TRINH VỚI SẼ VẢI (đang in lại) |

MỚI PHÁT HÀNH

QUAN-ÂM THỊ KÍNH

do

Thi-Nham ĐINH GIA THUYẾT
ĐÍNH - CHÍNH VÀ CHÚ - THÍCH

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

235, Phan Thanh Giản—Saigon

Giấy phép, xuất-bản

Số 960 T.X.B.

Bộ Thông Tin N. V.

CUNG - OÁN NGÂM KHÚC

(In lần thứ năm)

Giá . . . \$0\$00